

CAO XUÂN HẠO
TRẦN THỊ TUYẾT MAI

**SỔ TAY
SỬA LỖI
HÀNH VĂN**
LỖI NGỮ PHÁP TRONG CÂU
CÓ TRẠNG NGỮ MỞ ĐẦU



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

CAO XUÂN HẠO
TRẦN THỊ TUYẾT MAI

SỔ TAY
SỬA LỖI
HÀNH VĂN
LỖI NGỮ PHÁP TRONG CÂU
CÓ TRẠNG NGỮ MỞ ĐẦU



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

“SỔ TAY SỬA LỖI HÀNH VĂN ”

Được xuất bản theo hợp đồng trao quyền sử dụng tác phẩm giữa tác giả và Công ty TNHH Sách Phương Nam

Mọi sao chép, trích dẫn phải có sự đồng ý của Công ty TNHH Sách Phương Nam



LỜI NÓI ĐẦU

Khi nói đến nhiệm vụ “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, khá nhiều người trong chúng ta thường nghĩ trước tiên đến việc thay thế những từ “Hán-Việt” bằng những từ “thuần Việt” (những từ gốc Môn-Khmer hay mượn của tiếng Thái, tiếng Mã Lai thường được mệnh danh như vậy), mà ít khi nghĩ đến việc tìm cách làm sao cho câu văn được đúng mọo mực, được trong sáng và chững chạc, không què cụt hay ngô nghê như văn một người ngoại quốc. Ở nhà trường, việc giảng dạy tiếng Việt thiên hẳn về lý thuyết, và hầu hết thì giờ dành cho việc tiếp thu những tri thức, ngôn ngữ học không trực tiếp phục vụ cho việc tu luyện cách sử dụng tiếng mẹ đẻ trong văn viết cũng như văn nói. Các sách giáo khoa về tiếng Việt dành phần lớn nội dung cho việc trình bày những khái niệm khó định nghĩa và khó tiếp thu như từ, âm vị, v.v. và những tri thức lý thuyết mà ngay các nhà ngôn ngữ học chuyên nghiệp cũng không mấy ai hiểu rõ, và lại đang là vấn đề tranh luận gay gắt trong các giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Sách vở thường cung cấp cho học sinh không phải những tri thức chắc chắn, mà là những giả thiết còn phải chứng minh của một số nhà nghiên cứu cá biệt. Giáo viên mất thì giờ vào việc truyền đạt những “tri thức” ấy nhiều đến nỗi không thể sửa lỗi hành văn cho học sinh được, và dù có muốn dạy cho học sinh biết nói và viết đúng tiếng Việt cũng không biết làm việc đó vào lúc nào và bằng cách gì, căn cứ vào tài liệu nào.

Hậu quả tất nhiên của tình hình này là học sinh (khi còn ngồi trên ghế nhà trường cũng như khi đã trở thành cán bộ) thường rất yếu về hành văn. Ta có thể nghe thấy ở khắp nơi những lời than phiền, chê trách nặng lời về tình trạng yếu kém về hành văn của những bài báo, những cuốn sách, những bài nói được truyền đi từ các đài phát thanh và truyền thanh, truyền hình. Những câu văn “bất thành cú”, những lỗi thô bạo về lô-gích, những từ ngữ dùng sai nghĩa hay không đúng chỗ, đều có thể gặp nhan nhản trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào.

Tình hình này nghiêm trọng đến nỗi nhiều giáo viên và cán bộ văn hóa đã nhận định rằng đây là một tệ nạn thực sự có nguy cơ làm cho tiếng Việt không còn là một ngôn ngữ văn hóa có đủ sức phục vụ công cuộc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa thực sự văn minh nữa.

Sau một quá trình nghiên cứu những lỗi ngữ pháp phổ biến trên tư liệu điều tra do nhiều giới cung cấp (bài vở của học sinh các trường phổ thông, báo chí, công văn, bài nói trên các đài phát thanh và truyền hình, thư từ, v.v.), chúng tôi đã được Ban Ngôn ngữ học thuộc Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ) phân công soạn thảo một đề cương phân loại các lỗi ngữ pháp và tìm phương pháp chữa các lỗi đó, dự kiến sẽ lần lượt biên soạn những tập sách mỏng có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh ở nhà trường cũng như cho các cán

bộ công tác trong các lĩnh vực cần đến những tri thức thực tiễn về hành văn. Công việc này không phải ngay một lúc đã có thể làm được một cách đầy đủ như chúng tôi mong muốn. Những tập sách “Sửa lỗi hành văn” soạn theo đề cương nói trên cần được kiểm nghiệm qua thực tiễn sử dụng và cần được bổ sung, chỉnh lý không ngừng.

Tập sách mỏng đầu tiên mà chúng tôi cho ra mắt các bạn đọc là một thí nghiệm mong được chính những người dùng sách tiến hành, nhằm tìm thấy những chỗ thiếu sót cần được khắc phục dần qua những lần tái bản sau này. Trong tập này, chúng tôi thử xử lý một trong những loại lỗi phổ biến nhất: Lỗi trong khi dùng những câu có trạng ngữ đặt ở đầu.

Sách chia ra làm hai phần: Một phần lý thuyết được trình bày một cách ngắn gọn để người dùng thấy rõ quan điểm của chúng tôi về các lỗi ngữ pháp và nắm vững nguyên nhân cũng như cơ chế của loại lỗi ngữ pháp được bàn đến trong tập này; và sau đó là phần chính, phần thực hành, trình bày từng dạng lỗi một, phân tích cơ chế của lỗi, đề ra cách sửa căn cứ trên việc tận dụng những khả năng dùng nhiều phương tiện khác nhau để diễn đạt cái ý mà người phạm lỗi muốn diễn đạt, và đề ra những bài tập (có đáp án) để giúp người dùng làm chủ được cấu trúc câu mà họ nắm chưa vững.

Chúng tôi hiểu rằng tập sách này còn xa mới đạt đến một chất lượng khả quan. Vì vậy chúng tôi tha thiết mong các bạn đọc quan tâm đến công việc trau dồi ngôn ngữ giúp đỡ chúng tôi bằng cách cung cấp thêm những kiểu lỗi chưa được nêu lên, đề nghị những cách sửa lỗi khác, những câu mẫu tốt hơn, v.v., để cho tập sách này khi in lại sẽ được tốt hơn, và các tập sau, ngay khi ra lần đầu cũng tránh được nhiều sai sót.

NHÓM BIÊN SOẠN

MỘT ÍT LÝ THUYẾT VỀ LỖI NGŨ PHÁP

1. Thế nào là một lỗi ngữ pháp?

Ngữ pháp hiểu theo nghĩa rộng là cách tổ chức bên trong của ngôn ngữ. Là một hệ thống dấu hiệu bằng âm thanh được dùng làm công cụ giao tế, ngôn ngữ phải tổ chức các âm thanh như thế nào để một hệ thống đơn vị có số lượng hữu hạn có thể kết hợp với nhau mà làm thành những tín hiệu (những thông điệp, những phát ngôn) có số lượng vô hạn: Ngôn ngữ phải cho phép con người nói ra bất cứ một ý gì mình muốn nói, kể cả những ý chưa bao giờ có ai nói ra cả. Tính phức tạp và yêu cầu phát triển không ngừng của xã hội đòi hỏi như vậy. Nhưng làm sao một tín hiệu chưa bao giờ gặp, mà người bản ngữ mới nghe lần đầu vẫn hiểu được? Sở dĩ có thể có được điều kỳ diệu đó là vì cái tín hiệu hoàn toàn mới ấy dùng toàn những đơn vị mà người nghe đã biết sẵn, được kết hợp lại theo những quy tắc mà người ấy cũng đã quen thuộc. Ngữ pháp, hiểu theo nghĩa hẹp, chính là tổng số những quy tắc ấy.

Những quy tắc tổ chức các đơn vị thành tín hiệu (thành câu) được người bản ngữ quy nạp ra một cách không tự giác từ những lời nói đã nghe được, và dần dần, vào những năm cuối cùng của tuổi thơ ấu, họ đã có được một hệ thống ngữ pháp hoàn chỉnh về cơ bản trong đầu, cho phép họ diễn đạt được bất cứ ý nghĩ nào dưới một hình thức phù hợp với những tập quán diễn đạt của toàn khối cộng đồng ngôn ngữ của họ. Đây là một thứ tri thức ẩn mặc - không nói ra thành lời được - nhưng là một tri thức tuyệt đối. Về nguyên tắc, người bản ngữ không thể nói sai ngữ pháp được, nếu ta không kể những trường hợp nói nhịu nhằm mà xung quanh và ngay người vừa nói nữa cũng nhận thấy ngay. Những quy tắc được trình bày trong các sách ngữ pháp chính là đúc kết từ những tập quán nói năng của cả khối cộng đồng những người bản ngữ.

Nhưng nếu thế thì tại sao lại có trường hợp được coi là một lỗi ngữ pháp của người bản ngữ? Ở đây cần phân biệt rõ hai trường hợp rất khác nhau.

Ngôn ngữ vốn chuyển biến không ngừng. Không những từ ngữ, cách phát âm, mà ngay cả ngữ pháp cũng chuyển biến theo thời gian, tuy chậm hơn nhiều. Và trong những nguyên nhân quy định những sự chuyển biến của ngôn ngữ có cả những “lỗi” của thể hệ sau trong khi hấp thu ngôn ngữ. Những sự đổi khác đó ban đầu có thể bị thể hệ trước trấn áp quyết liệt. Nhưng nếu nó phù hợp với xu thế phát triển của ngôn ngữ (chẳng hạn như khi nói tạo nên một sự tiết kiệm quy tắc hay làm mất một sự thiếu cân bằng), dần dần nó sẽ thẳng và sẽ dành được địa vị chuẩn, nghĩa là sẽ được mọi người coi như “đúng ngữ pháp” hơn cách nói trước kia, nay đã trở thành “cổ”.

Trong những trường hợp như thế, nhà ngôn ngữ học không bảo thủ sẽ có thái độ rộng rãi đối với hình thái mới và sẵn sàng chấp nhận nó sau khi đã nghiên cứu nó kỹ về phương diện hiệu quả giao tế cũng như về phương diện thống kê.

Mặt khác, trong quá trình chuyển biến, phát triển, một ngôn ngữ có thể tiếp thu những từ ngữ, những kiểu nói, những cách đặt ngôn ngữ khác, nhằm làm cho mình dồi dào phương tiện hơn. Thường thường, những sự tiếp thu này, trong thời gian đầu chỉ liên quan đến những khu vực “văn hóa” của ngôn ngữ, nghĩa là chỉ thấy có trong văn khoa học, tôn giáo, triết học, v.v., cho nên quần chúng trung bình còn bỡ ngỡ khi nghe hay dùng những cách viết hay nói như vậy. Và vì không mấy khi sử dụng được cái cảm thức vốn có của mình để xử lý những cách nói như vậy, người bản ngữ trung bình (nhất là khi còn ít tuổi hay chưa có trình độ văn hóa cao) không quy nạp được những quy tắc chi phối cách cấu tạo của những câu ít quen thuộc đó, cho nên khi tự mình đặt câu theo kiểu mới tiếp thu được, họ có thể sai. Những kiểu câu không phải du nhập từ tiếng nước ngoài, những thể loại văn nhất định hay ngay cả những kiểu câu chỉ dùng trong văn viết chứ không dùng trong khi nói chuyện bình thường cũng có thể bị dùng sai như vậy nếu không có sự hướng dẫn và luyện tập đầy đủ.

Thường thường trong khi nói năng, người bản ngữ có thể tránh hẳn những kiểu câu mình chưa nắm vững (dĩ nhiên nếu người đó không có thói ăn nói cầu kỳ); nhưng trong khi viết hay trong khi phát biểu ở những môi trường nhất định, họ có thể vì yêu cầu của hoàn cảnh mà buộc lòng phải dùng đến những kiểu câu chưa nắm vững đó.

Đối với loại lỗi này, người làm công tác giảng dạy hay biên tập cần có thái độ nghiêm khắc hơn. Ở đây có thể tin chắc rằng chuyện dùng sai không hề do “xu hướng chuyển biến tự nhiên” của ngôn ngữ mà ra, tuy có thể chịu sự chi phối của những quy luật nào đó của bản ngữ làm cho người dùng dễ bị nhầm lẫn. Nói chung, những lỗi này thường làm cho câu văn không tuân theo những quy tắc vốn có của bản ngữ (chứ không riêng gì của thứ tiếng làm cội nguồn cho sự tiếp thu). Nếu người nghiên cứu đã xác định được như vậy, thì người giáo viên hay biên tập viên cần kiên quyết sửa lại cho đúng.

Dĩ nhiên không phải bao giờ việc xác định đó cũng dễ dàng, và ta có thể gặp những trường hợp mà người này cho là viết đúng ngữ pháp, nhưng người kia lại cho là sai: Mỗi người đều có cái lý của mình.

Trong những trường hợp như thế, giáo viên nên căn cứ vào tính đặc thù của trường học mà giải quyết: Ở đây, học sinh cần học và sử dụng những cách nói, những cách viết chừng chạc và chắc chắn đúng nhất, những cách mà không ai có thể chê trách (hay nghi ngờ) là sai, mặc dầu có thể có những nhà văn, nhà báo nào đó dùng những cách nói, cách viết đó. Chẳng qua đó cũng là một nguyên tắc cơ bản của nhà trường: Trước khi học múa, phải học đi cho vững đã.

Một nguyên nhân nữa khiến cho học sinh dễ dùng sai những kiểu câu không thông dụng trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày là một số giáo viên có xu hướng dạy cho học sinh bắt chước thật giống những cách nói của các báo chí và các bài diễn văn, những bài xã luận về các vấn đề được lấy làm chủ đề cho các bài tập làm văn nhiều hơn là luyện cho học sinh diễn đạt được một cách chính xác, trong sáng và độc đáo những ý

nghĩ của chính mình. Vì quá ít thì giờ chấm bài, nhiều giáo viên chỉ lướt qua bài tập xem có mặt đủ những công thức cần thiết (những câu, những ngữ đoạn có sẵn trong các văn kiện được dùng làm mẫu) hay không; nếu đủ thì cho điểm cao, mặc dầu bài tập chỉ là một chuỗi những công thức như thế được ghép lại một cách máy móc; còn nếu không thấy có những công thức như thế thì cho điểm thấp, mặc dầu bài tập là một văn bản lưu loát, chững chạc và đầy những ý nghĩ, tình cảm chân thành và được diễn đạt một cách độc đáo, mới mẻ. Dần dần, học sinh chỉ lo nhớ mẫu, không nghĩ đến nội dung, cho nên trong khi bắt chước những cách hành văn không mấy quen thuộc, họ có thể nhớ nhầm, chắp kết cấu này vào kết cấu khác một cách thiếu suy xét, viết thành những câu đầu Ngô mình Sở.

Vì vậy trong các bài tập sử dụng các kiểu câu hay sai, chúng tôi có chú ý đến việc tập cho học sinh diễn đạt một ý bằng nhiều cách khác nhau, nhất là những cách diễn đạt có vẻ như giống nhau nhưng có những điều kiện sử dụng khác nhau mà học sinh dễ lẫn lộn.

2. Câu có trạng ngữ đặt ở đầu

Câu có trạng ngữ đặt ở đầu vốn là một kiểu câu thông dụng trong tiếng Việt. Cũng như khi được dùng ở vị trí khác, trạng ngữ ở vị trí đầu câu có thể chỉ nơi chốn, thời gian, điều kiện, nguyên nhân, phương thức, trở ngại, và cũng có thể cấu tạo bằng một giới ngữ (tổ hợp mở đầu bằng một giới từ), một tính ngữ, một động ngữ, v.v.. Nói chung, bất kỳ trạng ngữ nào, đã có thể dùng ở phía sau động từ hay ở một vị trí khác trong câu, thì đều có thể dùng ở đầu câu. Có chăng chỉ trừ những trạng ngữ phương thức mở đầu bằng *một cách*, chỉ dùng sau động ngữ.

Dĩ nhiên, về phương diện cú pháp, khi đặt ở đầu câu, trạng ngữ vẫn giữ chức năng trạng ngữ, nhưng về phương diện nội dung thông báo, ở vị trí này trạng ngữ có cương vị *đề* (hay *chủ đề*) của câu, và do đó dễ bị lẫn lộn với những thành phần khác của câu có cương vị chủ đề, nhất là chủ ngữ. Khi đã nhầm trạng ngữ với chủ ngữ, họ sẽ dùng sau trạng ngữ đó những động từ không phải là động từ vô nhân xưng, nghĩa là những động từ đòi hỏi một chủ ngữ như *cho, làm cho, cho phép, đòi hỏi, khiến* v.v..

Mặt khác, nếu trạng ngữ đặt ở đầu câu là những giới ngữ hơi dài và hơi phức tạp, nhất là khi giới ngữ này mở đầu bằng một động từ dùng như giới từ, chẳng hạn như *qua, đến, về, thừa, nhận*, hoặc khi trung tâm trạng ngữ là một động từ không có chủ ngữ hoặc một mệnh đề mà chủ ngữ là một danh từ chỉ một bộ phận của vật hay người được biểu thị bằng chủ ngữ của câu, chẳng hạn như trong *tay cầm sách, anh bước vào phòng*, học sinh dễ nhầm trạng ngữ với một câu (một mệnh đề độc lập) và do đó có thể dùng những liên từ không đúng chỗ.

Nói một cách vắn tắt, tất cả cái cơ chế của những lỗi ngữ pháp trong cách dùng câu có trạng ngữ đặt ở đầu chỉ có thế. Tuy nhiên, có một vấn đề lý luận cần bàn thêm chút ít.

Có thể có nhiều giáo viên hay nhà nghiên cứu không nhất trí với chúng tôi khi chúng tôi nhận định những trường hợp nói trên là những lỗi. Quan điểm của họ có một cơ sở rất vững vàng là biên độ phổ biến rất lớn và tần số xuất hiện rất cao của những kiểu nói hay viết mà chúng tôi cho là sai. Quả nhiên, chỉ cần đọc một số báo hàng ngày, nghe một buổi phát thanh, hay xem một buổi truyền hình cũng có thể nhặt ra được vài ba chục câu phạm lỗi khi dùng trạng ngữ ở phần đầu như thế. Điều đó khiến ta phải suy nghĩ kỹ xem tại sao người Việt phạm lỗi kiểu này nhiều đến thế: Phải chăng đó là một xu hướng tự nhiên của tiếng Việt?

Như trên kia đã nói, trạng ngữ hay bị nhầm với chủ ngữ khi được đặt ở vị trí chủ đề vốn là vị trí tiêu biểu của chủ ngữ. Vấn đề nên đặt ra ở đây là phải chăng trong tiếng Việt không làm gì có sự phân biệt giữa chủ đề và chủ ngữ, và chính điều đó cho phép người Việt dùng trạng ngữ ở chỗ lẽ ra phải có chủ ngữ?

Theo ý chúng tôi, trong tiếng Việt vai trò của chủ ngữ trong câu quả không quan trọng bằng vai trò của

chủ đề. Chức năng cú pháp của một ngữ đoạn, trong đó có chức năng chủ ngữ mà nội dung ngữ nghĩa tiêu biểu nhất là chỉ kẻ (vật) hành động, hay mang tính chất, hay trải qua trạng thái (khác với bổ ngữ mà nội dung tiêu biểu là chỉ kẻ (vật) làm đối tượng hay mục tiêu cho hành động hay vận động) và với các chức năng khác, trong đó có chức năng trạng ngữ, lệ thuộc rất nhiều vào nghĩa của từ ngữ, đến nỗi nhiều khi rất khó xác định đâu là chủ ngữ, đâu là bổ ngữ. Chẳng hạn trong hai câu:

Bác sĩ N. mổ rồi và Bệnh nhân N. mổ rồi

ta khó lòng mà căn cứ vào vị trí để xác định *bệnh nhân* là chủ ngữ hay là bổ ngữ,^[1] tuy ta biết rõ *bác sĩ* chắc phải là người làm cái việc mổ, còn *bệnh nhân* chắc phải là kẻ được người ta mổ cho.

Mặt khác, vị trí đầu câu của *bác sĩ* và *bệnh nhân* cho phép ta khẳng định một cách chắc chắn rằng cả hai đều là chủ đề của câu. Vậy liệu có thể nói rằng khi đã đứng ở vị trí đầu câu làm chủ đề rồi thì không có sự phân biệt về chức năng cú pháp hay không? Trước đây đã có nhà nghiên cứu chủ trương rằng trong những câu như *Trên trời có đám mây xanh, trên trời* là chủ ngữ của *có*, và đồng thời cho rằng trong tiếng Việt chủ ngữ chẳng qua là một thứ phụ ngữ ngang hàng với bổ ngữ hay trạng ngữ, cho nên hễ cái gì đứng trước động từ thì đều có thể coi là chủ ngữ. Nếu theo quan niệm này thì quả những cách nói mà chúng ta cho là sai đều phải coi là bình thường.

Tuy nhiên sự tình không phải đơn giản như nhà nghiên cứu nói trên nghĩ. Giữa *trên trời có mây* hay *trời có mây* với *trời có mắt* có một sự khác biệt rất rõ ràng: Trong hai câu trước, *trời* là trạng ngữ, và *có* là một động từ “tồn tại” vô nhân xưng. Sở dĩ có thể bỏ *trên* được là nhờ chủ nghĩa không gian của *trời*. Còn trong câu sau, *trời* là chủ ngữ của động từ ngoại động có mang ý nghĩ, sở hữu, cho nên không thể thêm *trên*: *trên trời có mắt* là một câu không thể chấp nhận được.

Mặt khác, trong tiếng Việt trạng ngữ đứng đầu câu nhiều khi có thể bỏ đi được. Tuy khi bỏ trạng ngữ, câu có thể khác nghĩa đi, nhưng về ngữ pháp nó vẫn là một câu có vẻ như chấp nhận được, tuy không phải là một câu đúng. Điều có thể giúp ta hiểu tại sao coi những câu như *Trong tình hình đó đòi hỏi ta phải cố gắng* hay *Trong gian khổ nhưng anh vẫn không sờn lòng* là những câu sai ngữ pháp, vì giới ngữ (ngữ đoạn mở đầu bằng giới từ) không thể làm chủ ngữ hay làm câu mà chỉ có thể làm trạng ngữ, và khi bỏ hai trạng ngữ mở đầu bằng *trong* trên đây câu trở nên không chính. Câu trước thiếu chủ ngữ, còn câu sau không có phần tiền đề cho phép dùng *nhưng*.

Nói tóm lại, trong tiếng Việt vẫn có sự phân biệt về ngữ pháp giữa chủ đề chủ ngữ và chủ đề trạng ngữ, cho nên cần tập cho học sinh phân biệt thật rõ giữa hai bên, và thấy rõ ràng sự lẫn lộn giữa hai chức năng này đưa đến chỗ dùng sai vế sau của câu. Thay vì *Trong tình hình đó đòi hỏi ta phải cố gắng*, phải nói 1. *Trong tình hình đó, ta phải cố gắng*, hay 2. *Tình hình đó đòi hỏi ta phải cố gắng*.

Mặt khác, học sinh cần phân biệt thật rõ những động từ có thể khuyết chủ ngữ và những động từ vô nhân xưng với những động từ cần có chủ ngữ (chủ ngữ đó chính là cái mà học sinh trình bày thành một trạng ngữ).

Theo thống kê của chúng tôi, những lỗi về cách dùng câu có trạng ngữ đặt ở trước đặc biệt phổ biến và dễ mắc trong những câu tương đối dài, và nhất là khi chính cái trạng ngữ hữu quan làm thành một cụm từ phức hợp trong đó có nhiều định ngữ, nhất là định ngữ làm thành mệnh đề. Chẳng hạn trong câu:

“Đã đành rằng ai cũng sẽ chết, nhưng với một nhà thơ yêu cuộc đời, yêu sự sống, yêu tình yêu, tuổi trẻ, yêu thơ ca, yêu bè bạn như vậy, giờ đây đã thành người của thế giới khác rồi”.

Ta thấy có hai lỗi: thứ nhất là câu chưa hết (một nhà thơ như thế mà mất sớm thì thế nào chứ?); thứ hai là từ *với* làm cho câu không còn chủ ngữ nữa. Những lỗi này sở dĩ phạm phải là vì câu hơi dài và khi viết đến phần cuối tác giả đã kịp quên mất mình đã viết cái gì ở phần đầu.

Do đó khi tập phân tích lỗi cũng như khi tập đặt câu, cần có một quá trình tuần tự đi từ những câu ngắn như “với một nhà thơ trẻ như thế mà nay đã mất rồi” kể đến là “Ai rồi cũng sẽ chết, nhưng một nhà thơ như thế mà nay đã mất rồi” trong đó học sinh sẽ rất dễ nhận thấy lỗi và phân tích nó, rồi tiến dần đến những câu phức tạp như câu đã dẫn trên kia, cho đến khi nào học sinh phát hiện được một cách nhanh chóng và “máy móc” những lỗi tương tự dù có bị che khuất dưới một mớ từ ngữ phụ rườm rà, và bản thân họ khi viết văn dù có dùng nhiều từ ngữ rườm rà bao nhiêu cũng vẫn nhớ được cái cấu trúc lỗi của câu.

[\[1\]](#) Nói cho đúng hơn, vấn đề ở đây là phân biệt giữa nghĩa chủ động và nghĩa bị động. Chúng tôi tạm coi bệnh nhân là “bố ngữ” làm chủ đề như một số tác giả chủ trương.

NHỮNG LỖI CỤ THỂ VÀ CÁCH CHỮA

1. Những lỗi kiểu “Qua kinh nghiệm cho nên ta thấy rằng”

A. PHÂN TÍCH LỖI: Trong kiểu lỗi này học sinh vô tình xử lý trạng ngữ như một câu (mệnh đề) phụ, trong câu phụ đó chủ ngữ được hiểu ngầm cũng chính là chủ ngữ của phần sau của câu (mà học sinh coi là mệnh đề chính). Do đó, các em dùng một liên từ giữa trạng ngữ và phần sau của câu.

Kiểu lỗi này đặc biệt hay gặp ở trạng ngữ mở đầu bằng một động từ dùng như giới từ (qua, thông qua, về...). Điều cần lưu ý là ngay cả trường hợp động từ được dùng như động từ (làm trung tâm của một động ngữ, trước bổ ngữ chẳng hạn) thì kiểu câu này trong đa số trường hợp vẫn không ổn. Ví dụ như câu: “Qua sông cho nên ta dùng thuyền”.

B. SỬA LỖI: Kiểu câu sai này có thể chữa bằng cách bỏ liên từ nối phần sau của câu và thay vào đó dấu phẩy: như vậy ta sẽ có một câu với trạng ngữ đứng ở vị trí đầu câu. Chẳng hạn như câu: “Qua kinh nghiệm cho nên ta thấy rằng”, sẽ được viết lại cho đúng như sau: “Qua kinh nghiệm, ta thấy rằng”.

C. NHỮNG TRƯỜNG HỢP TƯƠNG TỰ:

- Với tinh thần hăng say chiến đấu *cho nên* chúng ta nhất định sẽ thắng được bọn đế quốc xâm lược.
- Để đáp lại công lao của tổ tiên đã có công dựng nước *do đó* chúng ta phải ra sức bảo vệ đất nước.
- Sau khi bị bọn thực dân đế quốc xâm lược *nên* nhân dân ta phải chịu nhiều hi sinh mất mát.
- Bằng giọng thơ giàu nhạc điệu *do đó* Tố Hữu đã làm cho người đọc cảm xúc mạnh.
- Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ (8-3) *cho nên* chúng tôi đã tổ chức một buổi họp mặt chị em phụ nữ thật là vui vẻ.
- Trong khi bị bọn Tưởng Giới Thạch giam cầm *nhưng* Bác lúc nào cũng hướng về quê hương đất nước.
- Thông qua thư mục sách văn học *do đó* cán bộ thư viện biết được giá trị nội dung của từng ấn phẩm.
- Cùng truyền thống của cha ông *cho nên* thế hệ trẻ Việt Nam đã lên đường một cách rất là hăng hái.
- Trong sự bế tắc chung đó *cho nên* chúng tôi đã không thể thực hiện được những điều đã ghi trong nghị quyết.
- Với một dân tộc nhỏ bé như thế mà đã thắng được đế quốc Mỹ *cho nên* cả thế giới phải khâm phục về

- Cùng một nhận thức như Mác-Lênin *cho nên* Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước.
- Với tài nguyên phong phú *nên* biết bao kẻ thù đã dòm ngó đất nước ta với ý đồ xâm chiếm.
- Theo NQ của UBNDTP *nên* chúng ta đã thi hành các biện pháp đó.

D. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG LỖI HAY CÓ THỂ DUNG THÚ:

1. Trạng ngữ có *vì, bởi, tại, tại vì* có thể nối với phần sau của câu bằng *cho nên* hay *nên*. Ví dụ:

“Vì trời mưa *cho nên* tôi đến muộn”.

“Bởi quá tin lời bạn bè *nên* hấn mới ra nông nổi ấy”.

2. Trạng ngữ có *tuy, mặc dầu* (nhưng không phải *dù, dẫu cho*) có thể nối với phần sau bằng *nhưng* hay *song*. Ví dụ:

“Tuy không phải là đoàn viên (nhưng) chị vẫn rất tích cực”.

“Mặc dầu đã được nhắc nhở nhiều lần (song) hấn vẫn chứng nào tật nấy”.

Đ. BÀI TẬP:

1. Phân tích lỗi trong các câu trên (ở phần C).
2. Đặt câu với từng giới từ để diễn đạt những ý cho sẵn.

BÀI MẪU A - Đặt câu với *với* để diễn đạt ý sau đây:

“Anh mà giúp cho thì thế nào tôi cũng làm được”

Trả lời: Với sự giúp đỡ của anh, (thì) thế nào tôi cũng làm được.

BÀI MẪU B - Dùng một trạng ngữ có *qua* để diễn đạt ý sau đây:

“Sau khi bị thất bại mấy lần, anh ta đã thận trọng hơn”.

BÀI MẪU C - Dùng giới từ *trong* cho một câu có nội dung như sau:

“Họ gian khổ và thiếu thốn nhưng vẫn vui tươi”.

Trả lời: Trong gian khổ và thiếu thốn, họ vẫn vui tươi.

3. Đặt câu với giới ngữ và tập diễn đạt bằng những kiểu câu khác.

BÀI MẪU A. Đặt câu với *qua* (động từ dùng như giới từ).

+ “Qua quá trình lao động, chúng ta đã trưởng thành về mọi mặt”.

Lỗi có thể có: “Qua quá trình lao động *do đó (cho nên)* chúng ta đã trưởng thành về mọi mặt”.

Cách diễn đạt khác:

- Chúng ta trưởng thành về mọi mặt nhờ trải qua quá trình lao động.

- Lao động giúp chúng ta trưởng thành về mọi mặt.

- Chúng ta đã trải qua quá trình lao động cho nên đã trưởng thành về mọi mặt.

+ “Qua kỳ thi vừa rồi, nhà trường đã chọn được một số học sinh xuất sắc”.

Lỗi có thể có: “Qua kỳ thi vừa rồi nên nhà trường đã chọn được một số học sinh xuất sắc”.

Diễn đạt khác:

- Nhà trường đã chọn được một số học sinh xuất sắc qua kỳ thi vừa rồi.

- Một số học sinh xuất sắc được nhà trường chọn qua kỳ thi vừa rồi.

+ “Qua thơ văn, chúng ta có thể hiểu được phần nào tâm tư, hoài bão của tác giả”.

Lỗi có thể có: “Qua thơ văn do đó chúng ta có thể hiểu được phần nào tâm tư, hoài bão của tác giả”.

Diễn đạt cách khác:

- Chúng ta có thể hiểu được phần nào tâm tư, hoài bão của tác giả qua thơ văn của ông.

- Tâm tư, hoài bão của tác giả chúng ta có thể hiểu được phần nào qua thơ văn của ông.

- Thơ văn có thể cho chúng ta hiểu được phần nào tâm tư, hoài bão của tác giả.

BÀI MẪU B. Đặt câu với *với*.

+ “Với một sự cố gắng lớn như vậy, thế nào ta cũng đạt được kết quả tốt”.

Lỗi có thể có: “Với một sự cố gắng lớn như vậy nên thế nào ta cũng đạt được kết quả tốt”.

Diễn đạt cách khác:

- Những cố gắng của chúng ta thế nào cũng sẽ đem lại những kết quả tốt.

- Chúng ta thế nào cũng đạt được kết quả tốt khi đã cố gắng như thế.

+ “Với một ý chí không gì lay chuyển nổi, nhân dân ta đã đánh đuổi hai đế quốc xâm lược: Pháp, Mỹ; giành chiến thắng vẻ vang, làm cho cả thế giới phải khâm phục”.

Lỗi có thể có: “Với một ý chí không gì lay chuyển nổi nên nhân dân ta đã đánh đuổi hai đế quốc xâm lược: Pháp, Mỹ; giành chiến thắng vẻ vang, làm cho cả thế giới phải khâm phục”.

Diễn đạt cách khác:

- Nhân dân ta, với một ý chí không gì lay chuyển nổi, đã đánh đuổi hai đế quốc xâm lược: Pháp, Mỹ; giành chiến thắng vẻ vang, làm cho cả thế giới phải khâm phục.

- Cả thế giới khâm phục nhân dân ta, với một ý chí không gì lay chuyển nổi, đã đánh đuổi hai đế quốc xâm lược: Pháp, Mỹ; giành chiến thắng vẻ vang.

+ “Với quyết tâm của người lao động dưới chế độ XHCN, các công nhân nhà máy A đã hoàn thành sản phẩm vượt mức kế hoạch”.

Lỗi có thể có: “Với quyết tâm của người lao động dưới chế độ XHCN nên các công nhân nhà máy A đã hoàn thành sản phẩm vượt mức kế hoạch”.

Diễn đạt khác:

- Các công nhân nhà máy A, với quyết tâm của người lao động dưới chế độ XHCN, đã hoàn thành sản phẩm vượt mức kế hoạch.

- Quyết tâm của người lao động dưới chế độ XHCN đã giúp cho công nhân nhà máy A hoàn thành sản phẩm vượt mức kế hoạch.

BÀI MẪU C. Đặt câu với *cùng*.

+ “Cùng một hoàn cảnh, tôi rất thông cảm với anh”.

Lỗi có thể có: “Cùng một hoàn cảnh nên tôi rất thông cảm với anh”.

Diễn đạt cách khác:

- Tôi rất thông cảm với anh vì chúng ta cùng một hoàn cảnh.

+ “Cùng học một trường, ở chung một xóm, hai đứa chúng tôi thân nhau lắm”.

Lỗi có thể có: “Cùng học một trường, ở chung một xóm nên hai đứa chúng tôi thân nhau lắm”.

Diễn đạt cách khác:

- Hai đứa chúng tôi thân nhau lắm vì cùng học một trường, ở chung một xóm.

- Hai đứa chúng tôi cùng học một trường, ở chung một xóm nên thân nhau lắm.

BÀI MẪU D. Đặt câu với *trong khi*.

+ “Trong khi gặp khó khăn, họ vẫn không sờn lòng”.

Lỗi có thể có: “Trong khi gặp khó khăn nhưng họ vẫn không sờn lòng”.

Diễn đạt cách khác:

- Họ gặp khó khăn nhưng vẫn không sờn lòng.

- Họ vẫn không sờn lòng dù gặp nhiều khó khăn.

- Gặp khó khăn, họ vẫn không sờn lòng.

- Khó khăn vẫn không làm họ sờn lòng.

+ “Trong khi cả lớp chăm chú nghe thầy giáo giảng bài, nó lơ đãng nhìn ra cửa sổ”.

Lỗi có thể có: “Trong khi cả lớp chăm chú nghe thầy giáo giảng bài nhưng nó lơ đãng nhìn ra cửa sổ”.

Diễn đạt cách khác:

- Nó lơ đãng nhìn ra cửa sổ trong khi cả lớp chăm chú nghe thầy giáo giảng bài.

- Cả lớp chăm chú nghe thầy giáo giảng bài, còn nó thì lơ đãng nhìn ra cửa sổ.

BÀI MẪU Đ. Đặt câu với *để*.

+ “Để đáp lại công lao dạy dỗ của thầy cô, các em học sinh tự hứa sẽ đạt kết quả tốt trong kỳ thi sắp

tới”.

Lỗi có thể có: “Để đáp lại công lao dạy dỗ của thầy cô do đó các em học sinh tự hứa sẽ đạt kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới”.

Diễn đạt cách khác:

- Các em học sinh tự hứa sẽ đạt kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới để đáp lại công lao dạy dỗ của thầy cô.

+ “Để các em học sinh có được những ngày hè bổ ích, các phường, quận đã tổ chức nhiều địa điểm sinh hoạt hè với những chương trình sinh hoạt thật phong phú”.

Lỗi có thể có: “Để các em học sinh có được những ngày hè bổ ích nên các phường, quận đã tổ chức nhiều địa điểm sinh hoạt hè với những chương trình thật phong phú”.

Diễn đạt cách khác:

- Các phường, quận đã tổ chức nhiều điểm sinh hoạt hè với những chương trình thật phong phú, nhờ vậy, các em học sinh có được những ngày hè bổ ích.

- Các em học sinh có được những ngày hè bổ ích tại nhiều địa điểm sinh hoạt hè, do các phường, quận tổ chức, với những chương trình sinh hoạt thật phong phú.

2. Những lỗi kiểu “Qua kinh nghiệm cho ta thấy rằng”

A. Phân tích lỗi: Trong kiểu lỗi này người viết xử lý trạng ngữ như một danh ngữ làm chủ ngữ. Mặt khác, họ không biết phân biệt loại động từ đòi hỏi một chủ ngữ đi trước (động từ ngoại động như *nói lên, đưa đến, cho thấy, cho phép, tạo nên, quét sạch, tỏ ra, chứng minh*, v.v., hay động từ gây khiến như *gây nên, khiến cho, làm cho, đòi hỏi, buộc*, v.v.) với loại động từ có thể dùng không có chủ ngữ như *có, có thể, thấy có, cần, nên phải*, và với loại động từ có thể có chủ ngữ đặt phía sau như *hiện ra, chạy tới, nhô lên, rơi xuống, mọc lên, tỏa ra, thối về, tràn tới, hình thành* (động từ “xuất hiện”) hay loại động từ có thể vừa chỉ hành động vừa chỉ tư thế của đồ vật như *đặt, treo, bày, mc, dựng, trồng, trải, cắm, đánh, thêu, vẽ* [2] v.v., cho nên viết thành những câu thiếu chủ ngữ.

B. SỬA LỖI: Kiểu lỗi này có thể sửa bằng cách bỏ giới từ mở đầu câu, để biến trạng ngữ thành một chủ ngữ, như câu:

“Qua kinh nghiệm cho ta thấy rằng”

có thể sửa lại là: “Kinh nghiệm cho ta thấy rằng”, hoặc bằng cách dùng một động từ vô nhân xưng ở

phần chính như:

- “Qua kinh nghiệm có thể thấy rằng”.

hoặc thêm một chủ ngữ cho phần chính như:

- “Qua kinh nghiệm, ta thấy rằng”.

C. NHỮNG TRƯỜNG HỢP TƯƠNG TỰ:

- Với nghệ thuật so sánh của tác giả đã làm nổi bật lên sự hy sinh to lớn của những bà mẹ Việt Nam trong cuộc chiến đấu giữ nước.

- Trước muôn vàn thử thách, trước sự cám dỗ của địch đòi hỏi người chiến sĩ cách mạng phải có tinh thần quyết chiến, ý chí sắt đá và tấm lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội thật mãnh liệt.

- Với những sai sót còn tồn tại của năm qua yêu cầu phải được khắc phục trong thời gian sắp tới.

- Qua lời dạy trên đã khẳng định cho thanh niên, những rường cột của nước nhà, trách nhiệm đối với đất nước.

- Với hình ảnh sinh động ấy đã nói lên tính ưu việt của chế độ ta.

- Bằng bốn câu thơ tuyệt tác của Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét tâm trạng của Kiều.

- Với một chiến sĩ trẻ như vậy mà trận đầu đã hy sinh thì thật đau xót.

- Bằng hình tượng Từ Hải đã nói lên phong trào nông dân khởi nghĩa.

- Với một sức mạnh của phong trào tự phát của bà con trong xã khiến cho quân thù phải khiếp sợ và nhượng bộ.

D. Bài tập

1. Phân tích và sửa lỗi trong các câu trên (ở phần C).

2. Tập đặt câu.

BÀI MẪU A. Đặt câu có trạng ngữ với phần sau dùng những động từ không cần có chủ ngữ đi trước.

- Trong vườn nhà ông Bá trồng nhiều cây ăn trái.

- Giữa khu rừng hoang vắng mọc lên một ngôi nhà tuyệt đẹp không biết của ai và được xây cất từ bao giờ.
- Qua kỳ thi vừa được tổ chức đã phát hiện được một số người có thực tài.
- Về vấn đề mà anh nêu lên có thể có nhiều phương cách giải quyết khác nhau tùy theo hoàn cảnh của từng người.
- Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có tri thức khoa học.
- Để có năng suất cao cần phải lao động có kỷ luật và kỹ thuật.
- Trong thời gian khổ phải kiên trì mới thành công được.
- Vì thời tiết thay đổi đột ngột cần phải mặc ấm để tránh bị nhiễm lạnh.

BÀI MẪU B. Đặt câu có danh ngữ làm chủ ngữ cho những động từ như: đòi hỏi, khiến, cho thấy, buộc, chứng tỏ, chứng minh, nói lên, bộc lộ.

- Tình hình kinh tế của nước ta hiện nay đòi hỏi một phương pháp thích hợp với nó: Phương pháp thực hiện xã hội chủ nghĩa.
- Sự gian khổ đã khiến nó chùn bước.
- Truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam khiến cho cả thế giới phải khâm phục.
- Thời gian đã cho chúng ta thấy đâu là chính nghĩa và đâu là phi nghĩa.
- Thơ văn Trần Tế Xương cho ta thấy bộ mặt xã hội Việt Nam thời Pháp đô hộ, một xã hội mà đồng tiền có một sức mạnh vạn năng.
- Hỏa lực vô cùng ác liệt của ta buộc quân địch phải tháo chạy.
- Hoàn cảnh nguy nan của gia đình buộc Kiều bán mình chuộc tội cho cha.
- Kết quả cuộc thi vừa qua chứng tỏ nó đã học tập, lao động siêng năng, cần mẫn.
- Chiến thắng của nhân dân Việt Nam trước bọn đế quốc Mỹ đã chứng minh rằng cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thành công và chủ nghĩa đế quốc nhất định thất bại.

- Những thất bại trong sản xuất nói lên sự thiếu sót và kém khả năng của ta trong việc hoạch định kế hoạch.

- Tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã nói lên được sự cùng cực của người dân Việt Nam, nhất là nhân dân lao động, dưới chế độ phong kiến.

- Tình thế mới bộc lộ cho ta nhiều khả năng để giải quyết vấn đề.

3. Trong những câu sau đây, câu nào đúng, câu nào sai?

Đánh dấu các câu sai, phân tích và sửa lỗi các câu ấy.

(1) Giữa các tác phẩm ấy đã bộc lộ một số tác phẩm tiêu cực.

(2) Trong quá trình thử thách đã hình thành những người tiêu biểu.

(3) Từ phía vườn vắng lại những tiếng đàn thanh thót.

(4) Từ quần chúng đã đào tạo được những nghệ sĩ có tài.

(5) Trên cái nền tối tăm ấy đã vẽ lên một cảnh sinh hoạt tươi mát.

(6) Ngoài vườn trồng hai cây mít.

(7) Sau nhà trồng lên một bụi tre.

(8) Bên kia sông thấy có một túp lều.

(9) Sau túp lều nhìn thấy một cây cau.

(10) Qua cảnh bọn sai nha đến bắt Vương ông cho thấy tình trạng bất minh của luật pháp phong kiến.

(11) Trong khung cảnh ấy đã lộ rõ sự bất lực của chính quyền ngụy.

(12) Vừa rồi đã chứng minh rằng tôi nói đúng.

(13) Bây giờ thì đã lộ rõ tất cả sự thật.

(14) Trong những hoạt động ấy đã đem lại hạnh phúc cho gia đình Tâm.

(15) Trên mảnh đất khai hoang đã nẩy mầm hạnh phúc của Hải và Thìn.

(16) Qua lao động đã tập trung được một số vốn cho cơ quan.

(17) Giữa nhà treo lơ lửng một chùm đèn thủy tinh.

(18) Trên tường treo lên một bức tranh.

(19) Không hiểu từ đâu hiện ra một đôi hoa tai lấp lánh.

(20) Chẳng rõ từ đâu rút ra một thanh gươm sáng loáng.

(21) Ngoài cổng thấp thoáng bóng dáng một cô con gái mặc áo dài.

(22) Trong năm qua đã xây dựng nhiều tác phẩm có giá trị.

(23) Qua quá trình sản xuất đã phát hiện một số nhược điểm của máy.

(24) Trong cách lập luận chưa chứng minh được điều gì rõ ràng.

Những câu sau đây là những câu sai: 1, 4, 5, 7, 9, 10, 12, 14, 18, 20, 22, 24.

[\[2\]](#) Cần chú ý là những động từ này khi dùng không có chủ ngữ chỉ người hành động thì thường không thể kèm theo những từ bao gồm ý nghĩa “thể” của hành động như đã, liêu, bèn, ngay, lên, xuống, ra v.v...

3. Những lỗi kiểu “Là đoàn viên nên ta phải cố gắng”

A. Phân tích lỗi: Đây là kiểu câu có trạng ngữ gồm một động ngữ không có chủ ngữ, chủ ngữ được hiểu ngầm cũng chính là chủ ngữ của phần sau của câu: Nhưng học sinh dễ lầm tưởng đây là một mệnh đề bình đẳng với phần sau. Do đó các em dùng liên từ đẳng kết (*và, mà, nhưng, nên, cho nên*) giữa trạng ngữ và phần sau của câu. Ví dụ: “Là đoàn viên nên ta phải cố gắng”. Những động ngữ hay được dùng làm trạng ngữ theo kiểu này thường là những động ngữ có trung tâm là *được, bị, được biết, được phép, muốn, để, bất chấp, mặc cho, hưởng ứng, lấy cớ, nghe nói..*

B. Sửa lỗi: Kiểu lỗi này có 3 cách sửa. Chẳng hạn như câu: “Là đoàn viên nên ta phải cố gắng” hay “Là đoàn viên nhưng anh ta chưa cố gắng đúng mức” sẽ được viết lại cho đúng theo ba cách sau đây:

1. Biến trạng ngữ thành một mệnh đề (có chủ ngữ).

“Ta là đoàn viên nên phải cố gắng”.

“Anh ta là đoàn viên nhưng lại chưa cố gắng”.

2. Bỏ liên từ giữa trạng ngữ và phần sau của câu:

“Là đoàn viên, ta phải cố gắng”.

“Là đoàn viên, anh ta chưa cố gắng đúng mức”.

3. Thêm liên từ cho phần đầu:

“Vì là đoàn viên nên ta phải cố gắng”.

“Tuy là đoàn viên, (nhưng) anh ta chưa cố gắng đúng mức”.

C. Những trường hợp tương tự:

- Có uy quyền trong tay *nên* hăn tha hồ hống hách.

- Đau lòng trước cảnh đất nước bị đè nặng dưới ách ngoại bang *nên* Bác đã ra đi tìm đường cứu nước.

- Bị quân Tưởng Giới Thạch bắt giải đi và lại phải đi bộ, chân tay bị còng *nhưng* Bác vẫn lạc quan, không nao núng tinh thần.

- Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông *nên* nhân dân ta không khuất phục trước bất kỳ quân

ngoại bang xâm lược nào cả.

- Khóc quá nhiều *nên* mắt cô ta sưng đỏ.

- Được tin tôi bị bắt *nên* tên chúa ngục tức tốc đưa xe đến đồn M'drac đem tôi đi giam ở Buôn Ma Thuột.

- Thấy tôi tỏ vẻ ngạc nhiên *nên* anh ta phải giải thích thêm cho tôi rõ đầu đuôi câu chuyện.

- Hưởng ứng phong trào “thi đua lao động sản xuất” *nên* các công nhân xí nghiệp dệt Việt Thắng đã tăng thêm giờ làm việc, đồng thời cải tiến phương pháp lao động.

- Được mọi người hết lòng yêu mến *nhưng* anh ta đã không xứng đáng với tấm chân tình đó.

- Hưởng ứng luật NVQS *nên* lớp trẻ đã hăng hái lên đường tòng quân thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của người công dân.

- Là thanh niên *nhưng* anh Ba có cái vẻ mỗi một của một ông già.

- Hưởng ứng phong trào “em là chiến sĩ Điện Biên” *nên* trong khắp các trường học đã lần lượt tổ chức nhiều đợt thi đua học tập và lao động.

- Có núi đồi bát ngát, lãng tâm u tịch *nên* xứ Huế là nơi lý tưởng để tổ chức cho học sinh những cuộc cắm trại đầy thú vị.^[3]

Bị chú:

Cần phân biệt cấu trúc dùng một động ngữ làm trạng ngữ với cấu trúc dùng hai động ngữ song song, trong đó động ngữ thứ nhất làm đề, động ngữ thứ hai làm thuyết, rất hay gặp trong tục ngữ, ngôn ngữ, như:

tham thì thâm

gần mực thì đen, gần đèn thì sáng

uống nước nhớ nguồn

Giữa hai động ngữ này có thể dùng bất kỳ liên từ nào hợp với nghĩa tương quan của hai động ngữ:

được lệnh thì (*nên, phải*) đến ngay

muốn ăn thì (*nên*) phải làm

làm nhiều (*mà, nhưng*) hưởng ít

khôn nhà (*mà, nhưng, thì*) đại chợ

Cần lưu ý rằng ở đây cả hai vế đều không có chủ ngữ; nếu thêm một chủ ngữ thì phải thêm cho vế trước, không được thêm cho vế sau:

họ làm nhiều nhưng hưởng ít (câu đúng)

làm nhiều nhưng họ hưởng ít (câu sai)

Nếu thêm chủ ngữ cho vế sau, vế trước (không chủ ngữ) sẽ thành trạng ngữ, do đó không dùng liên từ giữa hai vế được nữa:

được lệnh, chúng tôi đến ngay

được lệnh nên chúng tôi đến ngay (câu sai)

D. Bài tập:

1. Phân tích và sửa những lỗi trong các câu trên (ở phần C).
2. Dùng câu có trạng ngữ mở đầu bằng động từ có để diễn đạt những nội dung sau đây:
 - a. Khi anh ở bên cạnh tôi, tôi rất vững tâm.
 - b. Nhờ sự giúp đỡ của anh, chúng tôi mới thành công.
 - c. Nó biết thân biết phận chỉ vì những chuyện ấy.
 - d. Khi nó vắng mặt thì tôi chẳng biết làm thế nào.

Trả lời:

- a. Có anh bên cạnh, tôi rất vững tâm.
- b. Có anh giúp, chúng tôi mới thành công.
- c. Có thể nó mới biết thân biết phận.
- d. Không có nó, tôi chẳng biết làm thế nào

3. Dùng câu có trạng ngữ mở đầu bằng *thấy* hay *nhận thấy* để diễn đạt những nội dung sau đây:

- a. Họ trông thấy máy bay đến, cho nên xuống hầm.
- b. Tôi rất hài lòng với thành công của anh.
- c. Quân địch dừng lại vì hình như có nguy cơ bị phục kích.
- d. Hoàng tử rất cảm phục lòng nhân hậu của nàng.

Trả lời:

- a. Thấy máy bay đến, họ xuống hầm.
- b. Thấy anh thành công, tôi rất hài lòng.
- c. (Nhận) thấy có nguy cơ bị phục kích, quân địch dừng lại.
- d. Thấy nàng nhân hậu, hoàng tử rất cảm phục nàng.

4. Dùng câu trạng ngữ mở đầu bằng *là* hay *vốn là* để diễn đạt những nội dung sau đây:

- a. Nam quyết xin nhập ngũ, vì anh đã đủ tuổi và rất khỏe mạnh.
- b. Anh phải nêu gương tốt vì một đoàn viên phải như vậy.
- c. Với tư cách người chỉ huy đơn vị, tôi phải rời vị trí sau cùng.
- d. Anh rất thuộc địa hình, vì anh sinh trưởng ở xã này.

Trả lời:

- a. Là một thanh niên rất khỏe mạnh đã đến tuổi tòng quân, Nam quyết xin nhập ngũ.
- b. Là đoàn viên, anh phải nêu gương tốt.
- c. Là người chỉ huy đơn vị, tôi phải rời vị trí sau cùng.
- d. Vốn là người sinh trưởng ở xã này, anh rất thuộc địa hình.

5. Tập đặt câu và diễn đạt bằng những kiểu câu khác.

Lỗi có thể có: “Được lòng trẻ nhưng anh ta không được lòng già”.

Diễn đạt cách khác:

- Tuy được lòng trẻ, anh ta không được lòng già.
- Anh ta được lòng trẻ nhưng không được lòng già.

+ “Được sự ủng hộ của các nước anh em - các nước trong cộng đồng xã hội của nước ta có được một nền tảng vững chắc”.

Lỗi có thể có: “Được sự ủng hộ của các nước anh em - các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa - nên công cuộc xây dựng CNXH của nước ta có một nền tảng vững chắc”.

Diễn đạt cách khác:

- Công cuộc xây dựng CNXH của nước ta có được một nền tảng vững chắc là nhờ có sự ủng hộ của các nước anh em - các nước trong cộng đồng XHCN.

- Nhờ có sự ủng hộ của các nước anh em - các nước trong cộng đồng XHCN - công cuộc xây dựng CNXH của nước ta có được một nền tảng vững chắc.

+ “Được cha mẹ cưng chiều, hẳn đâm ra hư hỏng”.

Lỗi có thể có: “Được cha mẹ cưng chiều nên hẳn đâm ra hư hỏng”.

Diễn đạt cách khác:

- Hẳn được cha mẹ cưng chiều nên đâm ra hư hỏng.
- Vì được cha mẹ cưng chiều, hẳn đâm ra hư hỏng.

b. Dừng trạng ngữ có bị.

- “Bị mọi người nghi ngờ, anh ta buồn lắm”.

Lỗi có thể có: “Bị mọi người nghi ngờ nên anh ta buồn lắm”.

Diễn đạt cách khác:

- Anh ta bị mọi người nghi ngờ nên buồn lắm.
- Anh ta rất buồn vì bị mọi người nghi ngờ.

- Vì bị mọi người nghi ngờ nên anh ta buồn lắm.

+ “Bị công an phát giác kịp thời, bọn cướp không thực hiện được mưu đồ đen tối của chúng”.

Lỗi có thể có: “Bị công an phát giác kịp thời nên bọn cướp không thực hiện được mưu đồ đen tối của chúng”.

Diễn đạt cách khác:

- Công an đã phát giác kịp thời nên bọn cướp không thực hiện được mưu đồ đen tối của chúng.

- Công an phát giác kịp thời khiến bọn cướp không thực hiện được mưu đồ đen tối của chúng.

+ “Bị quân ta giáng trả những đòn sấm chớp, địch phải tháo lui sau một tuần lễ kháng cự”.

Lỗi có thể có: “Bị quân ta giáng trả những đòn sấm chớp nên địch phải tháo lui sau một tuần lễ kháng cự”.

Diễn đạt cách khác:

- Địch bị quân ta giáng trả những đòn sấm chớp nên phải tháo lui sau một tuần lễ kháng cự.

- Quân ta giáng trả những đòn sấm chớp nên địch phải tháo lui sau một tuần lễ kháng cự.

- Vì bị quân ta giáng trả những đòn sấm chớp nên quân địch phải tháo lui, sau một tuần lễ kháng cự.

c. Dùng trạng ngữ có *được biết*.

+ “Được biết anh ở Pháp về, tôi đến thăm anh”.

Lỗi có thể có: “Được biết anh mới ở Pháp về nên tôi đến thăm anh”.

Diễn đạt cách khác:

- Tôi được biết anh ở Pháp về nên đến thăm anh.

- Vì được biết anh mới ở Pháp về nên tôi đến thăm anh.

+ “Được biết em bé đã tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu, cha mẹ em rất vui mừng”.

Lỗi có thể có: “Được biết em bé đã tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu nên cha mẹ em rất vui mừng”.

Diễn đạt cách khác:

- Cha mẹ em bé rất vui mừng vì được biết em đã tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu.
- Cha mẹ em bé được biết em đã tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu nên rất vui mừng.
- Khi được biết em bé đã tỉnh dậy sau cuộc giải phẫu, cha mẹ em rất vui mừng.

+ “Được biết chị đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển vào Đại học Y khoa vừa rồi, tôi thành thật chúc mừng chị”.

Lỗi có thể có: Được biết chị đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển vào Đại học Y khoa vừa rồi nên tôi thành thật chúc mừng chị.

Diễn đạt cách khác:

- Tôi vừa được biết chị đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển vào ĐHYK vừa rồi và xin thành thật chúc mừng cho chị.

- Tôi thành thật chúc mừng cho chị vì được biết chị đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển vào ĐHYK vừa rồi.

d. Dùng trạng ngữ có *được phép*.

+ “Được phép của Ban Lãnh đạo Viện, chúng tôi đã triển khai kế hoạch thực hiện công tác”.

Lỗi có thể có: Được phép của Ban Lãnh đạo Viện nên chúng tôi đã triển khai kế hoạch thực hiện công tác.

Diễn đạt cách khác:

- Chúng tôi được phép của Ban Lãnh đạo Viện nên đã triển khai kế hoạch thực hiện công tác.

- Sau khi được phép của Ban Lãnh đạo Viện, chúng tôi triển khai kế hoạch thực hiện công tác.

+ “Được phép đi coi hát tối nay, lũ trẻ vỗ tay reo mừng”.

Lỗi có thể có: Được phép đi coi hát tối nay, nên lũ trẻ vỗ tay reo mừng.

Diễn đạt cách khác:

- Lũ trẻ được phép đi coi hát tối nay, nên chúng vỗ tay reo mừng.

- Khi được phép đi coi hát tối nay, lũ trẻ vỗ tay reo mừng.

e. Dùng trạng ngữ có *thấy*.

+ “Thấy nguy, nó bỏ chạy”.

Lỗi có thể có: “Thấy nguy nên nó bỏ chạy”.

Diễn đạt cách khác:

- Nó thấy nguy, liền bỏ chạy.

- Vì thấy nguy nên nó bỏ chạy.

+ “Thấy nguy, nó không bỏ chạy”.

Lỗi có thể có: “Thấy nguy nhưng nó không bỏ chạy”.

Diễn đạt cách khác:

- Nó thấy nguy nhưng (mà) không bỏ chạy.

- Tuy thấy nguy, nó vẫn không bỏ chạy.

- Khi thấy nguy, nó (vẫn) không bỏ chạy.

+ “Thấy hàng ngũ địch rối loạn, quân ta càng tăng cường sức tấn công”.

Lỗi có thể có: “Thấy hàng ngũ địch rối loạn nên quân ta càng tăng cường sức tấn công”.

- Thấy hàng ngũ địch rối loạn khiến cho quân ta càng tăng cường sức tấn công.

Diễn đạt cách khác:

- Quân ta thấy hàng ngũ địch rối loạn nên càng ra sức tấn công.

- Khi thấy hàng ngũ địch rối loạn, quân ta càng ra sức tấn công.

+ “Không thấy được những khuyết điểm của mình, nó vẫn luôn chủ quan trong công tác”.

Lỗi có thể có: “Không thấy được những khuyết điểm của mình nên nó luôn chủ quan trong công tác”.

Diễn đạt cách khác:

- Nó không thấy được những khuyết điểm của mình nên vẫn luôn chủ quan trong công tác.

- Vì không thấy được những khuyết điểm của mình nên nó vẫn luôn chủ quan trong công tác.

g. Dùng trạng ngữ có *bất chấp*.

+ “Bất chấp lời khuyên lớn của mọi người trong gia đình, hấn vẫn ra đi”.

Lỗi có thể có: Bất chấp lời khuyên lớn của mọi người trong gia đình nhưng hấn vẫn ra đi.

Diễn đạt cách khác:

- Hấn bất chấp lời khuyên lớn của mọi người trong gia đình, và vẫn ra đi.

- Hấn vẫn ra đi bất chấp lời khuyên lớn của mọi người trong gia đình.

+ “Bất chấp hỏa lực của địch, quân ta vẫn tiến lên ồ ạt”.

Lỗi có thể có: Bất chấp hỏa lực của địch nhưng quân ta vẫn tiến lên ồ ạt.

Diễn đạt cách khác:

- Quân ta bất chấp hỏa lực của địch, vẫn tiến lên ồ ạt.

- Quân ta tiến lên ồ ạt bất chấp hỏa lực của địch.

h. Dùng trạng ngữ có *lấy cớ*.

- “Lấy cớ nhà nghèo, hấn không tham gia cuộc đi chơi đó”.

Lỗi có thể có: “Lấy cớ nhà nghèo nên hấn không tham gia cuộc đi chơi đó”.

Diễn đạt cách khác:

- Hấn lấy cớ nhà nghèo, không tham gia cuộc đi chơi đó.

- Hấn không tham gia cuộc đi chơi đó, lấy cớ nhà hấn nghèo.

+ “Lấy cớ bận việc bất thường, ông bác sĩ không tiếp bệnh nhân nữa”.

Lỗi có thể có: Lấy cớ bận việc bất thường nên ông bác sĩ không tiếp bệnh nhân nữa.

Diễn đạt cách khác:

- Ông bác sĩ lấy cớ bận việc bất thường, không tiếp bệnh nhân nữa.

- Ông bác sĩ không tiếp bệnh nhân nữa, lấy cớ bận việc bất thường.

i. Dùng trạng ngữ có *hưởng ứng*.

+ “Hưởng ứng ngày bầu cử HĐND IV, mọi người dân hăng hái tham gia bỏ phiếu”.

Lỗi có thể có: Hưởng ứng ngày bầu cử HĐND IV nên mọi người dân hăng hái tham gia bỏ phiếu.

Diễn đạt cách khác:

- Mọi người dân hưởng ứng ngày bầu cử HĐND IV nên hăng hái tham gia bỏ phiếu.

- Để hưởng ứng ngày bầu cử HĐND IV, mọi người dân đã hăng hái tham gia bỏ phiếu.

+ “Hưởng ứng chiến dịch đồng khởi của vụ hè 1984 này, các phường, quận đã lần lượt ra quân sôi nổi”.

Lỗi có thể có: Hưởng ứng chiến dịch đồng khởi của vụ hè 1984 này, cho nên các phường, quận đã lần lượt ra quân sôi nổi.

Diễn đạt cách khác:

- Các phường, quận, hưởng ứng chiến dịch đồng khởi của vụ hè 1984, đã lần lượt ra quân sôi nổi.

- Để hưởng ứng chiến dịch đồng khởi của vụ hè 1984, các phường, quận đã lần lượt ra quân sôi nổi.

k. Dùng trạng ngữ có *nhờ*.

+ “Nhờ tập thể, ngày nay anh ta tiến bộ hơn trước rất nhiều”.

Lỗi có thể có: Nhờ tập thể nên ngày nay anh ta tiến bộ hơn trước rất nhiều.

Diễn đạt cách khác:

- Anh ta ngày nay tiến bộ hơn trước rất nhiều là nhờ tập thể.

- Anh ta nhờ tập thể nên ngày nay đã tiến bộ hơn trước rất nhiều.

+ “Nhờ công lao dạy dỗ của thầy cô giáo, chúng tôi mới trở thành người hữu ích như ngày nay”.

Lỗi có thể có: Nhờ công lao dạy dỗ của thầy cô giáo nên chúng tôi mới trở thành người hữu ích như

ngày nay.

Diễn đạt cách khác:

- Chúng tôi nhờ công lao dạy dỗ của thầy cô giáo nên mới trở thành người hữu ích như ngày nay.
- Chúng tôi trở thành người hữu ích như ngày nay là nhờ công lao dạy dỗ của thầy cô giáo.

l. Dùng trạng ngữ có *để* (diễn đạt mục đích - hành động).

- + “Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải học tập và lao động tốt”.

Lỗi có thể có: Để xây dựng CNXH nên chúng ta phải học tập và lao động tốt.

Diễn đạt cách khác:

- Chúng ta phải học tập và lao động tốt để xây dựng CNXH.
- Chúng ta muốn xây dựng CNXH thì phải học tập và lao động tốt.

- + “Để các em học sinh có những ngày hè ý nghĩa, nhà trường sẽ tổ chức những buổi du ngoạn vui tươi và thú vị”.

Lỗi có thể có: Để các em học sinh có những ngày hè ý nghĩa nên nhà trường sẽ tổ chức những buổi du ngoạn vui tươi và thú vị.

- Các em học sinh có những ngày hè ý nghĩa là nhờ nhà trường sẽ tổ chức những buổi du ngoạn vui tươi và thú vị.

m. Dùng trạng ngữ có *nghe nói*.

- + “Nghe nói nhà trường sắp tổ chức một chuyến tham quan thủ đô Hà Nội, các em học sinh vui mừng, phấn khởi”.

Lỗi có thể có: Nghe nói nhà trường sắp tổ chức một chuyến tham quan thủ đô Hà Nội *nên (làm cho)* các em học sinh vui mừng, phấn khởi.

Diễn đạt cách khác:

- Các em học sinh nghe nói nhà trường sắp tổ chức một chuyến tham quan thủ đô Hà Nội nên vui mừng, phấn khởi.

- Các em học sinh vui mừng, phấn khởi vì nghe nói nhà trường sắp tổ chức một chuyến tham quan thủ đô Hà Nội.

+ “Nghe nói đoàn Văn công thành phố sắp về lưu diễn, bà con trong xã nô nức chờ đợi”.

Lỗi có thể có: Nghe nói đoàn Văn công thành phố sắp về lưu diễn *nên (khiến cho)* bà con trong xã nô nức chờ đợi”.

Diễn đạt cách khác:

- Bà con trong xã nghe nói đoàn Văn công thành phố sắp về lưu diễn nên đều nô nức chờ đợi.

- Bà con trong xã nô nức chờ đợi vì nghe nói đoàn Văn công thành phố sắp về lưu diễn.

[\[3\]](#) Những câu trên đây (C) nhất là những câu dùng liên từ *nên* hay *nhưng*, có thể có người cho là đúng ngữ pháp, hoặc có thể dung thứ được, vì câu dễ hiểu, và nghe có vẻ xuôi tai. Chúng tôi chủ trương sửa lại những câu này, vì nó vi phạm một quy tắc cơ bản của cú pháp và của lôgic: giữa trạng ngữ với phần chính của câu không thể dùng liên từ kết hợp như *và*, *nhưng*, *nếu*. Mặt khác, nếu coi kiểu câu này như gồm hai mệnh đề đẳng lập cùng chủ ngữ, thì mệnh đề đi trước ắt phải mang chủ ngữ, chứ không phải mệnh đề sau (không thể chấp nhận loại câu như *đi chợ và chị ấy sẽ về*, *đi chợ nhưng chị ấy sẽ về*, *đi chợ nên chị ấy chưa về*); Nếu không sửa những câu này, học sinh sẽ không tránh những lỗi tương tự được xét trong tập sách, và giáo viên sẽ không có cơ sở để sửa lỗi những câu như: *bất chấp điều lệnh nên họ vẫn đi*

không hiểu tín hiệu nên nó bắn bừa

hối hận nên anh ta trở về

bị thương vong nhiều nhưng địch vẫn bắn tia

về đến đây nhưng chúng tôi vẫn nhớ các anh

ra đến bờ sông nên chúng tôi xuống tắm

4. Những lỗi kiểu “Muốn thành công buộc ta phải hành động gấp rút”

A. Phân tích lỗi: Trong kiểu lỗi này học sinh lầm tưởng trạng ngữ gồm một động ngữ không có chủ ngữ có giá trị như một mệnh đề hay động ngữ chủ ngữ. Ví dụ để diễn đạt ý “công việc khó khăn đòi hỏi chúng ta phải tranh thủ làm thì mới đạt được kết quả tốt”, học sinh viết: “muốn thành công buộc ta phải hành động gấp rút”.

B. Sửa lỗi: Kiểu lỗi này có 2 cách sửa:

1. Chuyển trạng ngữ thành chủ ngữ:

“Yêu cầu của công việc buộc ta phải hành động cương quyết”.

2. Bỏ động từ mở đầu cho phần sau (khi cần, thay bằng một động từ khác để diễn đạt ý của động từ đã bỏ):

“Muốn thành công, ta phải hành động cương quyết”.

“Ta muốn thành công thì phải hành động cương quyết”.

Bị chú. Cần phân biệt kiểu câu có trạng ngữ đứng đầu đang xét với kiểu câu có một động ngữ hay một mệnh đề (một nhóm chủ vị) làm chủ ngữ, như:

a. Bơi lội làm cho thân thể phát triển hài hòa.

Tấn công là cách phòng ngự tốt nhất.

Bắn chim trong thành phố là tuyệt đối cấm.

b. Nó cười đùa suốt buổi khiến mọi người vui lây.

Quang Trung mất sớm làm cho tình hình nhà Tây Sơn thay đổi.

Ta truy kích mạnh buộc địch phải co lại.^[4]

Một trong những nét tiêu biểu có thể dùng để phân định kiểu câu này là động ngữ hay mệnh đề làm chủ ngữ thường biểu thị những *hành động* (hay đôi khi, những *trạng thái*) trong khi các động ngữ làm trạng ngữ thường biểu thị những tình thế, nhất là những tình thế chủ quan (với những động từ như *được*, *bị*, *muốn*,

đề) hay những tri giác (thấy, nghe, biết, v.v.).

C. Những trường hợp tương tự:

- Được bằng khen của Ban Giám đốc làm cho anh Tư hãnh diện với bạn bè đồng nghiệp.
- Bước vào hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giúp cho dân tộc ta lớn mạnh về mọi mặt.
- Nhờ tin tưởng vào tập thể giúp cho cá nhân tiến bộ.
- Mải lo cho dân cho nước khiến Bác quên đi bản thân mình.
- Muốn chiến thắng quân thù đòi hỏi người chiến sĩ phải gan dạ.
- Muốn làm cách mạng đòi hỏi chúng ta phải giác ngộ cách mạng.
- Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội buộc chúng ta phải xây dựng những con người mới xã hội chủ nghĩa.
- Được tham quan danh lam thắng cảnh làm cho chúng ta thêm yêu quê hương đất nước.
- Được tin người bạn thân đã hy sinh nơi chiến trường khiến cho hấn sững sờ, rưng rưng nước mắt.
- Bị quân ta đánh một cú bất ngờ bắt buộc quân địch phải tháo chạy.
- Đi vào tính toán hiệu quả kinh tế cụ thể, khai hoang vùng kinh tế mới bộc lộ nhiều mặt thiếu sót.
- Bị tù đầy không làm cho Bác quên quê hương, dân tộc.
- Ra đi khi cảnh nhà đơn chiếc: Vợ đại, con thơ, khiến cho người chiến sĩ không khỏi chùn lòng.
- Thấy hàng ngũ quân địch rối loạn làm cho quân ta càng thêm phấn khởi.
- Thấy nước sông cứ mỗi lúc một dâng lên cao khiến cho dân làng hoang mang, lo sợ.

D. Bài tập:

1. Phân tích và sửa những lỗi trong các câu trên (ở phần C) (mỗi câu sửa hai cách như mẫu sau đây).

Mẫu: Thấy nước sông mỗi lúc một dâng lên cao khiến cho dân làng lo sợ.

Sửa:

a. Mức nước sông mỗi lúc một dâng lên cao khiến cho dân làng lo sợ.

b. Thấy nước sông mỗi lúc một dâng lên cao, dân làng lo sợ.

2. Sử dụng những động từ “gây khiến” có bố ngữ là một mệnh đề và chủ ngữ là một danh ngữ, để diễn đạt những nội dung sau đây:

a. Ông Minh vừa bị tai nạn: cả nhà cuống quýt lên.

b. Bà Tư ốm nặng. Điều đó buộc lão chủ phải cho bà nghỉ mặc dầu lão không muốn.

c. Ta phải làm việc gấp mới kịp giờ thông đường.

d. Ta phao kích dữ dội. Điều đó đã đưa địch đến tình cảnh này.

Trả lời:

a. Tai nạn ông Minh vừa gặp làm cho cả nhà cuống quýt lên.

b. Bệnh tình trầm trọng của bà Tư buộc lão chủ phải cho bà nghỉ, mặc dầu lão không muốn.

c. Thời hạn thông đường khẩn trương đòi hỏi ta phải làm việc gấp.

d. Trận phao kích dữ dội của ta đã đưa địch đến tình cảnh này.

3. Sử dụng những danh ngữ thay cho những mệnh đề đầu câu:

a. Anh ăn nói tục tằn không xứng đáng với một quân nhân cách mạng.

b. Họ làm ăn bê bối như vậy chứng tỏ họ thiếu trách nhiệm.

c. Lão Kim giàu có như vậy làm thành ưu thế duy nhất của lão.

d. Chính vì chị ấy yếu quá là nguyên nhân của chị ấy thất bại.

Trả lời:

a. Lời lẽ^[5] tục tằn của anh không xứng đáng với một quân nhân cách mạng.

b. Cách làm ăn bê bối của họ chứng tỏ họ thiếu trách nhiệm.

c. Tài sản của lão Kim làm thành cái ưu thế duy nhất của lão.

d. Sức khỏe kém chính là nguyên nhân làm cho chị ấy thất bại.

4. Tập đặt câu và diễn đạt lại bằng những kiểu câu khác

a. Đặt câu với *bị*.

+ “Bị mất cửa, anh chàng hà tiện cuống lên như đĩa phải vôi”.

Lỗi có thể có: Bị mất cửa *khiến cho (nên)* anh chàng hà tiện cuống lên như đĩa phải vôi.

Diễn đạt cách khác:

- Cửa cái bị mất khiến cho anh chàng hà tiện cuống lên như đĩa phải vôi.

- Vụ mất mát khiến cho anh chàng hà tiện cuống lên như đĩa phải vôi.

- Vì mất cửa nên anh chàng hà tiện cuống lên như đĩa phải vôi.

+ “Bị phạt trong buổi học chiều qua, nó xấu hổ với bạn bè cùng lớp”.

Lỗi có thể có: Bị phạt trong buổi học chiều qua làm cho nó xấu hổ với bạn bè cùng lớp.

Diễn đạt cách khác:

- Cảnh nó bị phạt trong buổi học chiều qua làm cho nó xấu hổ với bạn bè cùng lớp.

- Nó xấu hổ với bạn bè cùng lớp vì đã bị phạt trong buổi học chiều qua.

b. Đặt câu với *được*:

+ “Được món tiền thưởng lớn, anh ta rất vui mừng”.

Lỗi có thể có: Được món tiền thưởng lớn khiến cho anh ta rất vui mừng.

Diễn đạt cách khác:

- Món tiền được thưởng lớn làm cho anh ta rất vui mừng.

- Anh ta rất vui mừng vì được thưởng món tiền thưởng lớn.

+ “Được thư người thân từ quê nhà, cô ấy ngùi đi nỗi buồn”.

Lỗi có thể có: Được thư người thân từ quê nhà giúp cho cô ấy ngùi đi nỗi buồn.

Diễn đạt cách khác:

- Thư của người thân từ quê nhà giúp cho cô ấy nguôi đi nỗi buồn.

c. Đặt câu với *được biết*.

+ “Được biết đàn heo của hợp tác xã bị mất trộm đêm qua, bà con trong xã lấy làm phần uất”.

Lỗi có thể có: Được biết đàn heo của hợp tác xã bị mất trộm đêm qua khiến cho bà con trong xã lấy làm phần uất.

Diễn đạt cách khác:

- Đàn heo của hợp tác xã đã bị mất trộm đêm qua khiến cho bà con trong xã lấy làm phần uất.

- Bà con trong xã lấy làm phần uất vì đàn heo của hợp tác xã đã bị mất trộm đêm qua.

+ “Được biết nhiều người hâm mộ tài năng của mình, cô ta lấy làm kiêu hãnh lắm”.

Lỗi có thể có: Được biết nhiều người hâm mộ tài năng của mình làm cho cô ta kiêu hãnh lắm.

Diễn đạt cách khác:

- Sự hâm mộ của nhiều người về tài năng của cô ta làm cho cô ta kiêu hãnh lắm.

- Cô ta kiêu hãnh lắm vì được biết nhiều người hâm mộ tài năng của mình.

d. Đặt câu với *muốn*.

+ “Muốn xây dựng CNXH, trước tiên ta phải xây dựng những con người mới XHCN”.

Lỗi có thể có: Muốn xây dựng CNXH buộc ta trước tiên phải xây dựng những con người mới XHCN.

Diễn đạt cách khác:

- Công cuộc xây dựng CNXH đòi hỏi ta phải xây dựng những con người mới XHCN.

- Ta phải xây dựng những con người mới XHCN để tiến hành thành công việc xây dựng CNXH.

+ “Muốn đạt năng suất cao trong lao động, chúng ta phải cải tiến phương pháp làm việc”.

Lỗi có thể có: Muốn đạt năng suất cao trong lao động đòi hỏi chúng ta phải cải tiến phương pháp làm

việc.

Diễn đạt cách khác:

- Năng suất lao động sẽ cao nếu chúng ta biết cải tiến phương pháp làm việc.
- Việc cải tiến phương pháp làm việc sẽ giúp ta đạt năng suất cao trong lao động.

[\[4\]](#) Ba câu dưới (b) cũng có thể phân tích như gồm một mệnh đề chính có một mệnh đề phụ chỉ kết quả đi sau, nhất là khi giữa hai đoạn câu có dấu phẩy (có chỗ ngừng): Trong trường hợp này, các phân tích vừa nói có thể coi là bắt buộc.

[\[5\]](#) Hay “Cách ăn nói”.

5. Những lỗi kiểu “Vừa chạy đến nơi, mũ nó đã bay mất”

A. Phân tích lỗi: Đây là những lỗi về tính đồng nhất sở chỉ giữa động ngữ của mệnh đề chính (hay phần chính của câu).

B. Sửa lỗi:

Ví dụ câu sai: “Vừa chạy đến nơi, mũ nó đã bay mất” có hai cách sửa:

1. Chuyển chủ ngữ:

“Vừa chạy đến nơi, nó đã bị bay mất mũ”.

2. Thêm chủ ngữ cho trạng ngữ (động ngữ thứ nhất), và như vậy là chuyển trạng ngữ thành một mệnh đề độc lập với mệnh đề sau:

“Nó vừa chạy đến nơi thì mũ nó đã bay mất”.

C. Những trường hợp tương tự:

- Khi thuật lại hết câu chuyện, nước mắt cô ấy đã đầm đìa cả gương mặt.
- Khi ra đi tìm đường cứu nước, tấm lòng của Bác vẫn luôn hướng về quê hương, tổ quốc.
- Vừa đến cổng nhà, thằng bé đã vội chạy ra mở cổng đón tôi.
- Trong thời gian đau nằm nhà, bạn tôi thường xuyên đến thăm tôi.
- Khi trúng tuyển vào đại học, ba má tôi đã thưởng cho tôi một chiếc xe gắn máy.
- Vừa đến nơi, đôi mắt tôi bỗng rưng rưng nghẹn ngào trước quang cảnh nghìn năm có một ấy.
- Vừa ngồi vào bàn, tay nó đã vội vợ lấy hai chiếc bánh và bỏ vào mồm nhai ngấu nghiến.
- Khi dọn xong khu vườn, những tấm áo của chúng tôi đã ướt đầm mồ hôi.
- Hôm ra đi, tôi dặn mẹ tôi đừng để tôi ở nhà một mình lâu quá trong căn nhà vắng vẻ, rộng thênh thang này.
- Hôm mới đến, các bạn tôi đã xem tôi như người thân ngay.

- Hôm nhập ngũ, các bạn tôi đã tổ chức một buổi tiệc thân mật để tiễn tôi.
- Nếu tổ chức buổi họp mặt trước khi đi xa, cô ấy sẽ đến dự cùng chúng tôi.
- Nếu lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự đợt này, cô ấy hứa chờ tôi đến khi tôi làm xong nghĩa vụ.
- Hôm về thăm nhà, gia đình tôi cũng mừng rỡ đón tôi.
- Khi xuất phát, hành trang của chúng tôi đã gọn gàng trên vai.
- Đi trên con đường vắng, tim tôi đập rộn ràng.
- Nằm mãi không ngủ được, tai tôi lắng nghe những tiếng động quanh phòng.
- Phải đứng suốt buổi, lưng tôi đau mỏi không sao chịu được.
- Về đến nhà, mắt tôi chợt nhìn thấy tấm ảnh.
- Chưa kịp nhìn thấy cái hố, chân nó đã ngập sâu xuống bùn.

D. Bài tập:

1. Phân tích và sửa những lỗi trong các câu trên (ở phần C).

2. Tập đặt câu với trạng ngữ động ngữ không có liên từ hay danh từ chỉ thời gian, điều kiện (kiểu: “vừa đến nơi”, “đi trên đường”, v.v.) và có liên từ hay danh từ trạng ngữ (kiểu: “hôm ra đi”, “từ khi ra đi”, “nếu ra đi”...)

(1) “Vừa chui ra khỏi đám lau sậy quái ác, bộ lông của chú vịt con đã tua tủa, xơ xác, trông thật thảm hại”.

Sửa:

a. Vừa chui ra khỏi đám lau sậy quái ác, chú vịt con trông thật thảm hại với bộ lông tua tủa, xơ xác.

b. Chú vịt con vừa chui ra khỏi đám lau sậy quái ác thì bộ lông của chú đã tua tủa, xơ xác trông thật thảm hại.

(2) “Vừa đến bãi biển, ánh mặt trời cũng vừa tắt, chúng tôi đi dạo một chút rồi thuê xe đến nhà trọ”.

Sửa:

a. Đến bãi biển lúc ánh mặt trời vừa tắt, chúng tôi đi dạo một chút rồi thuê xe đến nhà trọ.

b. Chúng tôi vừa đến bãi biển thì ánh mặt trời cũng vừa tắt. Chúng tôi đi dạo một chút rồi thuê xe đến nhà trọ.

(3) “Vừa đến rạp chiếu bóng, chiếc xe đạp của chúng tôi bị hỏng”.

Sửa:

a. Vừa đến rạp chiếu bóng, chúng tôi bị hỏng xe.

b. Chúng tôi vừa đến rạp chiếu bóng thì chiếc xe bị hỏng.

(4) “Vừa đến sân ga, cái ví tay của tôi đã rơi đâu mất”.

Sửa:

a. Vừa đến sân ga, tôi đã đánh rơi mất cái ví tay.

b. Tôi vừa đến sân ga thì cái ví tay của tôi đã rơi đâu mất.

(5) “Vừa về đến cổng trại, các bạn tôi đã chạy ra xách hộ hành lý của tôi”.

Sửa:

a. Vừa về đến cổng trại, tôi được các bạn tôi chạy ra xách hộ hành lý.

b. Tôi vừa về đến cổng trại thì các bạn tôi đã chạy ra xách hộ hành lý cho tôi.

(6) “Hôm lên đường, ba tôi dặn tôi phải biết giữ gìn sức khỏe để công tác tốt” (với ý là hôm tôi lên đường).

Sửa:

a. Hôm lên đường, tôi nhớ ba tôi có dặn tôi phải biết giữ gìn sức khỏe để công tác tốt.

b. Hôm tôi lên đường, ba tôi dặn tôi phải biết giữ gìn sức khỏe để công tác tốt.

(7) “Hôm thi đỗ, cô giáo có đến chúc mừng tôi”.

Sửa:

a. Hôm thi đỗ, tôi được cô giáo đến chúc mừng.

b. Hôm tôi thi đỗ, cô giáo có đến chúc mừng tôi.

(8) “Hôm dự hội thi “Bàn tay vàng”, chị phụ trách đến tận nơi thi để động viên tôi”.

Sửa:

a. Hôm dự hội thi “Bàn tay vàng”, tôi được chị phụ trách đến động viên.

b. Hôm tôi dự hội thi “Bàn tay vàng”, chị phụ trách đến tận nơi thi để động viên tôi.

(9) “Hôm xuất viện, đồng chí giám đốc đến chúc mừng tôi đã bình phục và tiễn tôi ra tận cổng”.

Sửa:

a. Hôm xuất viện, tôi được đồng chí giám đốc đến chúc mừng tôi đã bình phục và tiễn tôi ra tận cổng.

b. Hôm tôi xuất viện, đồng chí giám đốc đến chúc mừng tôi đã bình phục và tiễn tôi ra tận cổng.

(10) “Hôm nhập ngũ, các bạn tôi đã tổ chức một buổi tiệc thân mật để tiễn tôi”.

Sửa:

a. Hôm nhập ngũ, tôi được các bạn tôi tiễn bằng một buổi tiệc thân mật.

b. Hôm tôi nhập ngũ, các bạn tôi tổ chức một buổi tiệc thân mật để tiễn tôi.

(11) “Từ khi đi học tập về, tôi thấy anh tôi đã thay đổi hẳn về tính tình lẫn thể chất: tính tình cởi mở và thân thể cường tráng”.

Sửa:

a. Từ khi đi học tập về, anh tôi đã thay đổi cả về tính tình lẫn thể chất: tính tình cởi mở và thân thể cường tráng.

b. Từ khi anh tôi đi học tập về, tôi thấy anh tôi đã thay đổi về cả tính tình lẫn thể chất: tính tình cởi mở và thân thể cường tráng.

(12) “Từ khi gia nhập đội thiếu niên tiên phong, ba tôi bảo rằng trông tôi trở nên tháo vát, nhanh nhẹn hơn trước nhiều”.

Sửa:

a. Từ khi gia nhập đội thiếu niên tiên phong, tôi trở nên tháo vát, nhanh nhẹn hơn trước nhiều.

b. Từ khi tôi gia nhập đội thiếu niên tiên phong, ba tôi bảo rằng trông tôi tháo vát, nhanh nhẹn hơn trước nhiều.

(13) “Từ ngày đi tham quan thủ đô Hà Nội về, các bạn tôi đến thăm rất đông và bắt tôi kể cho chúng nghe hết chuyện này đến chuyện khác”.

Sửa:

a. Từ ngày đi tham quan thủ đô Hà Nội về, tôi được các bạn tôi đến thăm rất đông và bắt tôi kể cho chúng nghe hết chuyện này đến chuyện khác.

b. Từ ngày tôi đi tham quan thủ đô Hà Nội về, các bạn tôi đến thăm rất đông và bắt tôi kể cho chúng nghe hết chuyện này đến chuyện khác.

(14) “Từ khi tham gia phong trào “Học tập, lao động tốt”, Ban Học tập của trường thường xuyên gửi bằng khen cho lớp tôi”.

Sửa:

a. Từ khi tham gia phong trào “Học tập, lao động tốt”, lớp tôi thường xuyên nhận được bằng khen của Ban Học tập trường.

b. Từ khi lớp tôi tham gia phong trào “Học tập, lao động tốt”, Ban Học tập của trường thường xuyên gửi bằng khen cho lớp tôi.

(15) “Từ ngày đến dạy ở trường phổ thông cơ sở cấp 2, các em học sinh ở đây luôn làm tôi hài lòng”.

Sửa:

a. Từ ngày đến dạy ở trường PTCS cấp 2, tôi luôn hài lòng về các em học sinh ở đây.

b. Từ ngày tôi đến dạy ở trường PTCS cấp 2, các em học sinh ở đây luôn làm tôi hài lòng.

(16) “Nếu không bị xích, tên trộm đã bị con chó nhảy ra cắn rồi”.

Sửa:

a. Nếu không bị xích, con chó đã nhảy ra cắn tên trộm rồi.

b. Nếu con chó không bị xích, tên trộm đã bị nó cắn rồi.

(17) “Nếu thi đỗ, ba mẹ tôi sẽ thưởng tôi một chuyến du ngoạn cố đô Huế”.

Sửa:

a. Nếu thi đỗ, tôi sẽ được ba mẹ tôi thưởng một chuyến du ngoạn cố đô Huế.

b. Nếu tôi thi đỗ, ba mẹ tôi sẽ thưởng tôi một chuyến du ngoạn cố đô Huế.

(18) “Nếu đến muộn, chiếc xe của nhà máy sẽ không chờ tôi”.

Sửa:

a. Nếu đến muộn, tôi sẽ bị xe của nhà máy bỏ lại.

b. Nếu tôi đến muộn thì chiếc xe của nhà máy sẽ không chờ tôi.

(19) “Nếu chịu khó học hỏi để nâng cao kiến thức, tay nghề, Ban Giám đốc nhà máy sẽ chọn tôi đi thi cấp thành phố kỳ này”.

Sửa:

a. Nếu chịu khó học hỏi để nâng cao kiến thức, tay nghề, tôi sẽ được Ban Giám đốc nhà máy cử đi thi cấp thành phố kỳ này.

b. Nếu tôi chịu khó học hỏi để nâng cao kiến thức, tay nghề, Ban Giám đốc nhà máy sẽ cử tôi đi thi cấp thành phố kỳ này.

(20) “Nếu tham gia đội ngũ Thanh niên xung phong sẽ dạy cho tôi nhiều điều hữu ích trong cuộc sống”.

Sửa:

a. Nếu tham gia đội ngũ Thanh niên xung phong, tôi sẽ học hỏi được nhiều điều hữu ích trong cuộc sống.

b. Nếu tôi tham gia đội ngũ Thanh niên xung phong, họ sẽ dạy cho tôi nhiều điều hữu ích trong cuộc sống.

6. Những lỗi kiểu “Tay nó cầm cuốn sách, bước ra sân” hay “Nó bước ra sân, tay nó cầm cuốn sách”

A. Phân tích lỗi: Đây là một kiểu lỗi hay gặp khi học sinh hiểu sai kiểu câu có trạng ngữ là một mệnh đề có chủ ngữ là một bộ phận của nhân vật được biểu thị bằng chủ ngữ của phần chính, chẳng hạn như:

“tay cầm cuốn sách, nó bước ra sân”

“mắt rưng rưng, nó quay mặt đi”

“nó bước vào, môi mím một nụ cười khó hiểu”

Loại trạng ngữ này mô tả một tư thế, một trạng thái của nhân vật, được thể hiện cùng một lúc với hành động của nó ở phần chính. Đặc điểm của loại trạng ngữ này là cái bộ phận làm chủ ngữ *không có định ngữ chỉ sở hữu*. Nếu thêm định ngữ này, mối quan hệ lôgích, thời gian và cú pháp giữa trạng ngữ với phần chính sẽ mất đi như trong câu “tay nó cầm cuốn sách, nó bước ra sân” và đôi khi sẽ có sự nhầm lẫn về chủ ngữ của phần chính.

B. Sửa lỗi: Bỏ định ngữ sở hữu

Kiểm tra lại xem chủ ngữ của phần chính có đúng là sở hữu của cái bộ phận dùng trong trạng ngữ không. Chẳng hạn:

Tay vẫn khư khư ôm quả bóng, anh nó tát cho nó một cái xính vính làm cho quả bóng bật ra, lăn xuống đất.

Sửa: Tay nó vẫn khư khư ôm quả bóng. Anh nó tát...

hoặc: Tay vẫn khư khư ôm quả bóng, nó bị anh nó tát...

C. Những trường hợp tương tự:

1. Mắt dăm dăm nhìn ra cửa bể, ta thấy Kiều dỗi theo bóng cánh buồm thấp thoáng mà nghĩ đến cảnh cô đơn của mình.

2. Vó ngựa phi nhanh trên quãng đường đá, chàng hiệp sĩ ngoái nhìn về phía quê nhà.

3. Em bé ngạc nhiên nhìn ông già say rượu, tay vuốt bộ râu bạc.

4. Đôi mắt tinh tường ghi nhận những chi tiết tế nhị mà tiêu biểu, ta hiểu tại sao tác giả dựng lên được những bức tranh đậm đà như vậy.

5. Tai lắng nghe tiếng chuông chiều, miệng lẩm bẩm tụng kinh, hoàng hôn đã dần dần trùm lên đôi vai gầy gò của nhà sư trẻ tuổi.

6. Ông lão nhìn con chó, đuôi vẫy lia lịa.

7. Chàng dừng sĩ lao về phía con quái vật, mồm ngoác to bằng cái miệng thúng.

8. Chân anh mỏi nhừ, anh lê bước trên đường, lòng anh khắc khoải.

9. Mắt ông cố nhắm thật kỹ, ném mạnh hai hòn đá ra.

10. Chân ông vừa bước nhanh vừa buông ra những câu chửi rửa tặc tần.

11. Bụng đói như cào, con thỏ chết làm cho nó thêm rõ dãi.

12. Bốn bánh lăn vun vút, người lính lái chiếc xe băng qua đèo.

13. Lưỡi ánh lên sáng quắc, viên tướng vung thanh gươm ra lệnh tiến quân.

14. Mũi rẽ sóng đại dương, viên hoa tiêu lái chiếc tàu về hướng Bắc.

Bị chú: Ở đây, còn có thể gặp những lỗi như ở mục III, IV. Chẳng hạn, đáng lẽ viết:

Lòng mừng khắp khởi, anh lập tức lên đường.

học sinh có thể viết:

Lòng mừng khắp khởi nhưng anh lập tức lên đường.

Lòng mừng khắp khởi nhưng anh vẫn lập tức lên đường.

Lòng mừng khắp khởi khiến anh lập tức lên đường.

Đó đều là những lỗi vi phạm quy tắc chung về cách đặt câu có trạng ngữ đi trước. Cũng như kiểu câu ở mục III, kiểu câu này (ở dạng đúng) chủ ý không cho thấy rõ quan hệ (phương thức, nguyên nhân, chỉ định) của trạng ngữ đối với phần chính của câu.

D. Bài tập:

1. Phân tích và sửa những lỗi trong các câu trên (ở phần C).

Mẫu sửa lỗi:

(1) Ta thấy Kiều, mắt đắm đắm nhìn ra cửa bể, dõi theo cánh bướm thấp thoáng... [\[6\]](#)

(2) Trong khi vó ngựa phi nhanh trên quãng đường đá, chàng hiệp sĩ ngoái nhìn về phía quê nhà.

(3) Em bé ngạc nhiên nhìn ông già say rượu đang đưa tay lên vuốt bộ râu bạc.

(4) Sở dĩ tác giả dựng lên được những bức tranh đậm đà như vậy là nhờ đôi mắt tinh tường của ông đã ghi nhận những chi tiết tế nhị mà tiêu biểu.

(5) Tai lắng nghe tiếng chuông chiều, mồm lẩm bẩm tụng kinh, nhà sư trẻ tuổi cảm thấy hoàng hôn đã dần dần trùm lên đôi vai gầy gò của mình.

(6) Ông lão nhìn con chó đang vẫy đuôi lia lịa.

(7) Chàng dũng sĩ lao về phía con quái vật đang ngoác mồm to như cái miệng thúng.

(8) Chân mỏi nhừ, lòng khắc khoải, anh lê bước trên đường.

(9) Mắt cố nhắm thật kỹ, ông ném mạnh hai hòn đá.

(10) Chân vẫn bước nhanh, ông buông ra những câu chửi rửa tặc tẩn.

(11) Bụng đói như cào, nó nhìn con thỏ chết mà thèm rỏ dãi.

(12) Bốn bánh lăn vun vút, chiếc xe do người lính lái băng qua đèo.

(13) Lưỡi ánh lên sáng quắc, thanh gươm của viên tướng vung cao: đó là hiệu lệnh tiến quân.

(14) Mũi rẽ sóng đại dương, chiếc tàu được viên hoa tiêu lái về hướng Bắc.

2. Tập đặt câu:

a. Diễn đạt các ý sau đây bằng những câu có trạng ngữ mệnh đề theo kiểu đang xét.

(1) Con chó cổ mở thật to đôi mắt nhìn theo ông chủ.

(2) Cô thư ký ngẩng cao mái đầu lên, đi qua dãy ghế đầu.

(3) Trong khi tôi trao thư cho nó, tim tôi đập rộn rã.

(4) Văn nhặt mấy mảnh vụn mà cảm thấy lòng đau như cắt.

(5) Hăn vừa rón rén bước vào vừa run bần cả chân tay lên.

Trả lời:

(1) Đôi mắt cố mở thật to, con chó nhìn theo ông chủ.

(2) Mái đầu ngẩng cao lên, cô thư ký đi qua dãy ghế đầu.

(3) Tim đập rộn rã, tôi trao bức thư cho nó.

(4) Lòng đau như cắt, Văn nhặt mấy mảnh vụn lên.

(5) Chân tay run bần bật, hăn rón rén bước vào phòng.

b. Viết tiếp những câu bỏ dở sau đây bằng cách diễn đạt nội dung của phần câu đóng ngoặc.

(1) Mắt không rời con chuột, (cánh con cú mèo giang rộng, nó sà xuống).

(2) Hai tay buông thõng, (miệng của Ba há hốc, mắt của Ba giương lên nhìn con rắn).

(3) Tâm trí vẫn còn bàng hoàng (chân Nguyên bước thẩn thờ, như cái máy).

(4) Trong tai vẫn còn văng vẳng tiếng kêu ấy, (tay chị Dậu run rẩy ghì thẳng Dần thật chặt).

(5) Tay khỏi rồi, (bạn bè sẽ cùng em đi bơi).

Trả lời:

(1) ... con cú mèo giang rộng cánh sà xuống.

(2) ... miệng há hốc Ba giương mắt nhìn con rắn (hoặc: Ba há hốc mồm, giương mắt nhìn con rắn).

(3) ... Nguyên đưa chân bước thẩn thờ như cái máy.

(4) ... chị Dậu ghì thật chặt thẳng Dần trong đôi tay run rẩy.

(5) ... em sẽ cùng bạn bè đi bơi.

[\[6\]](#) Sở dĩ câu này có thể chấp nhận được, khác với câu (6), là vì dùng thấy, một động từ tri giác, khác với động từ nhìn ở câu (6), vốn là động từ hành động.

7. Những lỗi kiểu “Về vấn đề này, ta đã giải quyết xong”

A. Phân tích lỗi: Ở đây học sinh không chú ý đến quan hệ ngữ pháp giữa động từ và phần được đưa ra phía trước, cho nên không thấy rằng động từ giải quyết yêu cầu một bổ ngữ trực tiếp chỉ đối tượng chứ không phải một trạng ngữ hay một bổ ngữ gián tiếp (mở đầu bằng giới từ). Lỗi sẽ lộ rõ hơn nếu ta trả phần phụ được đưa ra phía trước làm đề về vị trí của nó ở phía sau động từ.

“Ta đã giải quyết xong về vấn đề này”.

B. Sửa lỗi:

1. Bỏ giới từ, hoặc thay nó bằng một giới từ thích hợp hơn.

Ví dụ: Vấn đề này ta đã giải quyết xong.

2. Thay động từ bằng một động từ thích hợp với loại trạng ngữ đặt ở đầu câu (khi cần, thêm một bổ ngữ trực tiếp cho nó).

Ví dụ:

Về vấn đề này ta đã bàn bạc xong xuôi.

Về vấn đề này ta đã tìm được cách giải quyết xong xuôi.

C. Những trường hợp tương tự:

1. Với một kẻ địch như thế, ta sẽ đánh gục ngay từ trận đầu.

2. Đối với bạn bè, anh ta hay trách móc chê bai.

3. Trước những khó khăn lớn đến đâu ta cũng đều phải khắc phục.

4. Đứng trước những món nợ ấy, ta phải thanh toán thật sòng phẳng.

5. Xung quanh câu chuyện này họ đã đem ra kháo nhau từ một tuần nay.

6. Đối với cách ăn nói tự mãn của Tư mọi người đều chê cười.

7. Về những nguyên nhân của sự việc, anh đã nêu ra một cách rõ ràng.

8. Về vấn đề dụng cụ thì họ đã mua sắm đầy đủ.

9. Đối với mẹ anh, anh vẫn viết thư đều đặn.

10. Sau khi cảnh này diễn ra, chị còn nhớ như in.

11. Với những lời khuyên nhủ chân tình của anh, tôi sẽ xin ghi lòng tạc dạ.

12. Trước một thái độ như thế, khó lòng có ai chấp nhận được.

D. Bài tập:

1. Phân tích và sửa lỗi những câu trên (ở phần C).

Mẫu:

(1) Một kẻ địch như thế thì ta sẽ đánh gục ngay từ trận đầu.

Với một kẻ địch như thế, ta sẽ đánh nó gục ngay từ trận đầu.

(2) Đối với bạn bè, anh hay trách móc và chê bai họ.

Bạn bè hay bị anh ta trách móc và chê bai.

Đối với bạn bè, anh ta hay có thái độ trách móc và chê bai.

(3) Khó khăn lớn đến đâu ta cũng đều phải khắc phục.

(4) Những món nợ ấy ta phải thanh toán thật sòng phẳng.

(5) Câu chuyện này họ đã đem ra kháo nhau từ một tuần nay.

Xung quanh câu chuyện này họ đã bàn ra tán vào từ một tuần nay.

(6) Cách ăn nói tự mãn của Tư bị mọi người chê cười.

Đối với cách ăn nói tự mãn của Tư mọi người đều có thái độ chê cười.

(7) Những nguyên nhân của sự việc anh đều đã nêu ra một cách rõ ràng.

(8) Dụng cụ thì họ đã mua sắm đầy đủ.

(9) Về phần mẹ anh, anh vẫn viết thư đều cho bà cụ.

(10) Cảnh này đã diễn ra như thế nào, chị vẫn còn nhớ như in.

(11) Những lời khuyên nhủ chân tình của anh tôi đều xin ghi lòng tạc dạ.

(12) Một thái độ như thế thì khó lòng có ai chấp nhận được.

2. Điền vào đầu câu những giới từ (hay giới ngữ) thích hợp cần thiết.

(1) ... bạn bè, anh thấy xấu hổ.

(2) ... tình hình này, ta phải hành động khẩn trương.

(3) ... bài toán này thì tôi giải được.

(4) ... chị, chị sẽ xử lý như thế nào?

(5) ... quả cam này, ta phải ăn ngay không nó hỏng mất.

(6) ... một sức chịu đựng như thế thì nó không thể nào có được.

(7) ... một vấn đề phức tạp như vậy, ta phải thận trọng mới giải quyết được.

(8) ... hai vấn đề ấy ta phải giải quyết song song mới được.

(9) ... tình huống nào họ cũng rất bình tĩnh.

(10) ... tình huống ấy thì ai mà chẳng đã có lần gặp?

Giải: 1. Đứng trước/ Trước mặt/ Với. 2. Trong/ Đứng trước. 3. Đ. 4. Về phần/ Còn. 5. Đ. 6. Đ. 7. đối với/ Đ. 8. Đ. 9. Trong. 10. Đ

3. Viết tiếp những câu sau đây để diễn đạt những ý đã cho sẵn (trong ngoặc đơn).

(1) a. Riêng đối với anh Sáu...; b. Riêng anh Sáu thì...

(Ta phải đối xử với anh Sáu một cách tế nhị)

(2) a. Còn vấn đề lương thực thì...; b. Còn về phần lương thực thì...

(Ta đã có cách giải quyết vấn đề lương thực)

(3) a. Trong cái tủ này...; b. Cái tủ này...

(Họ đựng quần áo trong cái tủ này)

(4) a. Ở phía sau cái vể hung ác ấy...; b. Cái vể hung ác ấy...

(Có một tấm lòng nhân hậu bị che giấu ở phía sau cái vể hung ác ấy)

Giải 1. a... Ta phải xử sự một cách tế nhị. 1. b... ta phải xử sự với anh ấy một cách tế nhị. 2. a... ta có cách giải quyết. 2. b. ta đã có cách giải quyết vấn đề (này). 3. a... họ đựng quần áo. 3. b... họ dùng để đựng quần áo. 4. a... có che giấu một tấm lòng nhân hậu. 4. b... (có) che giấu một tấm lòng nhân hậu ở phía sau.

Bị chú:

Nhân khi sửa kiểu lỗi này cũng nên chú ý đến một kiểu lỗi ngược lại, không kém phổ biến, trong đó trạng ngữ đứng đầu câu không có giới từ đi trước. Thường gặp nhất là những câu dùng sai hai chữ *trường hợp* (được dùng như *trong trường hợp*, hay *nếu gặp trường hợp*):

- Trường hợp không có tôi ở nhà thì xin mời anh ra câu lạc bộ.
- Trường hợp bị bao vây thì phải mở một đường máu.

Trường hợp dùng ở đầu câu không có giới từ đi trước phải có chức năng chủ ngữ hay bổ ngữ trực tiếp của câu, như trong:

- Trường hợp bị bao vây đã được dự tính từ đầu.
- Trường hợp bị bao vây thì ta đã dự tính từ đầu.